# PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

## CHỦ TỊCH NƯỚC

| | |
|---|---|
| **CHỦ TỊCH NƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 296/QĐ-CTN | *Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam**

**CHỦ TỊCH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 18/TTr-CP ngày 21/02/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với 938 cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Nguyễn Minh Triết**

**DANH SÁCH NGƯỜI CAMPUCHIA LÁNH NẠN HIỆN ĐANG CƯ TRÚ TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG ĐƯỢC NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 296/QĐ-CTN ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Chủ tịch nước)*

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 1 | Chau My Oanh | Châu Mỹ Oanh | | x | 26/02/1949 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 2 | Chau My Phuong | Châu Mỹ Phương | | x | 18/4/1950 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 3 | Chia Duc Oi | Chia Duc Oi | | x | 29/6/1968 | Campuchia | 162 lô H | 1975 |
| 4 | Chung Thay Tri | Chung Thay Tri | x | | 10/3/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 21-22 lô P | |
| 5 | Chau My Dinh | Châu Mỹ Dính | | x | 18/6/1954 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 6 | Chau My Phinh | Châu Mỹ Phình | | x | 22/5/1952 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 7 | Chau My Ly | Châu Mỹ Ly | | x | 16/12/1946 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 8 | Chau Quay Trung | Châu Quây Trung | x | | 16/7/1955 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 9 | Chan Sok Sanh | Nguyễn Văn Sơn | x | | 23/12/1982 | Việt Nam | 14 lô P | |
| 10 | Chan Sok Tha | Nguyễn Văn Minh | x | | 16/8/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 14 lô P | |
| 11 | Chau Ngoc | Châu Ngọc | | x | 20/7/1973 | Campuchia | 29/156 lô A | 1979 |
| 12 | Chu Cau | Châu Chấn Cầu | x | | 04/01/1961 | Campuchia | 28 lô P | 1975 |
| 13 | Chai Lim Toa Ty | Chai Lim Tòa Tỷ | x | | 19/02/1962 | Campuchia | 60 lô A | 1979 |
| 14 | Chung Phat | Chung Phát | x | | 24/6/1974 | Campuchia | 81 lô B | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 15 | Chung Kouih Houang | Chung Kouih Houang | x | | 16/3/1964 | Campuchia | 31 lô A | 1975 |
| 16 | Chung Ngoc Suon | Chung Ngọc Suôn | | x | 29/01/1940 | Campuchia | 31 lô A | 1975 |
| 17 | Chung Kim | Chung Kim | x | | 24/11/1954 | Campuchia | 32 lô A | 1979 |
| 18 | Chau Thoai Quyen | Chau Thoai Quyên | | x | 10/6/1960 | Campuchia | 32 lô A | 1979 |
| 19 | Chau Van Phong | Châu Văn Phong | x | | 01/6/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 40/147 lô D | |
| 20 | Chau Van Hung | Châu Văn Hùng | x | | 10/11/1986 | Bình Dương | 40/147 lô D | |
| 21 | Chau Van Hue | Châu Ngọc Hoa | | x | 12/4/1983 | Bình Dương | 40/147 lô D | |
| 22 | Chhan Kien Nghiep | Tăng Kiến Nghiệp | x | | 21/8/1974 | Campuchia | 62 lô A2 | 1979 |
| 23 | Chau Tuan Minh | Châu Tuấn Minh | x | | 08/8/1982 | Tp Hồ Chí Minh | 65 lô E | |
| 24 | Chau Chi Khuong | Châu Chí Cường | x | | 29/7/1963 | Campuchia | 65 lô C | 1975 |
| 25 | Chung Thanh Long | Chung Thanh Long | x | | 09/01/1989 | Bình Dương | 32 lô A | |
| 26 | Chau Mui | Châu Múi | | x | 15/5/1947 | Campuchia | 22 lô B | 1975 |
| 27 | Chhour Kim Chei | (Thai) Chhour Kim Chei | x | | 16/10/1942 | Campuchia | 27B/313E lô B | 28/6/1975 |
| 28 | Chu Hao | Chu Hào | x | | 02/6/1969 | Campuchia | 13 lô P | 01/5/1975 |
| 29 | Chu Lan | Chu Lan | | x | 05/5/1967 | Campuchia | 13 lô P | 01/5/1975 |
| 30 | Chung Van Na | Chung Vân Na | | x | 10/8/1969 | Campuchia | 21-22 lô P | 1975 |
| 31 | Chung Thay Seng | Chung Tháy Sêng | x | | 02/6/1967 | Campuchia | 21-22 lô P | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 32 | Chung Thay Ieng | Chung Tháy Iêng | x | | 01/10/1944 | Campuchia | 21-22 lô P | 1975 |
| 33 | Chay Thái Linh | Thái Ngọc Linh | | x | 14/02/1966 | Campuchia | 137 lô A | 1975 |
| 34 | Chia Hong Chinh | Tạ Hồng Trinh | | x | 08/8/1970 | Campuchia | 13A/93C lô A | 1975 |
| 35 | Chia Lan Ngach | Tạ Tuân Long | x | | 24/10/1948 | Campuchia | 13A/93C lô A | 1975 |
| 36 | Chau My Chanh | Châu Mỹ Chánh | | x | 15/8/1958 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 37 | Cao Tran | Cao Trân | | x | 14/4/1944 | Campuchia | 116 lô A | 27/11/1979 |
| 38 | Chhor Vi Hau | Hứa Vi Hổ | x | | 15/4/1976 | Campuchia | 115 lô C3 | 20/3/1979 |
| 39 | Chhor Phic Nay | Hứa Bích Liên | | x | 03/01/1983 | Bình Dương | 113 lô C3 | |
| 40 | Chhor Phic Chou | Hứa Bích Châu | | x | 25/02/1975 | Campuchia | 113 lô C3 | 20/3/1979 |
| 41 | Chau Quang Ly | Châu Quang Ly | x | | 20/5/1970 | Campuchia | 5 lô C | 1975 |
| 42 | Chau Vai Hong | Châu Oai Hùng | x | | 25/3/1968 | Campuchia | 5 lô C | 1975 |
| 43 | Chau Le Hien | Châu Lệ Hiền | | x | 19/5/1976 | Việt Nam | 5 lô C | |
| 44 | Chau Chi | Châu Chi | x | | 05/11/1962 | Campuchia | 5 lô C | 1975 |
| 45 | Chau Ly Phan | Châu Ly Phan | x | | 25/5/1965 | Campuchia | 5 lô C | 1975 |
| 46 | Chau Sec | Châu Thức | x | | 18/02/1946 | Campuchia | 12 lô C | 6/1975 |
| 47 | Chau Chi Phui | Châu Chi Phui | | x | 11/10/1984 | Bình Dương | 58 lô C | |
| 48 | Chau Chi Hoa | Châu Chi Hoa | | x | 25/02/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 58 lô C | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 49 | Chau Chi Linh | Châu Chi Linh | | x | 09/10/1988 | Bình Dương | 58 lô C | |
| 50 | Chau Phuoc | Châu Phước | x | | 13/10/1944 | Campuchia | 44 lô C | 1975 |
| 51 | Chac Tu Tinh | Chac Tú Tỉnh | x | | 10/5/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 83/10 lô C | |
| 52 | Cheng Heng | Chung Hương | | x | 05/9/1946 | Campuchia | 62 lô H | 1979 |
| 53 | Chung Ha | Chung Ha | x | | 1933 | Campuchia | 1/689 lô A | 1979 |
| 54 | Chung Sau Hinh | Chung Sau Hinh | | x | 20/10/1985 | Bình Dương | 32 lô A | |
| 55 | Chung Ping | Chung Bình | | x | 1966 | Campuchia | 1/68 lô A | 1979 |
| 56 | Chau Van Chay | Châu Tiền Tài | x | | 06/10/1981 | Bình Dương | 40/147 lô D | |
| 57 | Chau Tu Linh | Châu Tú Linh | | x | 30/12/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 9 lô P | |
| 58 | Chau Tu Quyen | Châu Tú Quyên | | x | 28/8/1978 | Tp Hồ Chí Minh | 9 lô P | |
| 59 | Chau Tu Kien | Châu Tú Kiên | | x | 01/6/1976 | Tp Hồ Chí Minh | 9 lô P | |
| 60 | Chau Tu Hung | Châu Tú Hưng | | x | 23/02/1974 | Campuchia | 9 lô P | 1975 |
| 61 | Chum Suong | Văn Thị Hai | | x | 01/6/1923 | Campuchia | 15 lô P | 1975 |
| 62 | Chau Van Tek | Châu Văn Đức | x | | 1984 | Bình Dương | 40/147 lô D | |
| 63 | Chu Ngoc | Chu Ngọc | | x | 06/8/1973 | Campuchia | 5 lô B | 01/5/1975 |
| 64 | Chu Soc Hon | Chu Sóc Hon | | x | 12/4/1945 | Campuchia | 31/19D lô D | 1975 |
| 65 | Chai Lim Soai Ty | Chai Lim Soai Tỷ | x | | 20/11/1966 | Campuchia | 72 lô A | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 66 | Chuong Vinh | Chương Vĩnh | | x | 12/8/1958 | Campuchia | 148 lô A | 17/5/1975 |
| 67 | Chuong Truyen | Chương Truyền | x | | 17/11/1974 | Campuchia | 148 lô A | 17/5/1975 |
| 68 | Chuong Dong | Chương Đông | x | | 10/8/1966 | Campuchia | 148 lô A | 17/5/1975 |
| 69 | Cheng Bat Senh | Trần Thành | x | | 27/12/1961 | Campuchia | 61 lô H | 1979 |
| 70 | Chin Kim Ny | Chin Kim Ny | | x | 06/7/1967 | Campuchia | 23/15 lô B | 1975 |
| 71 | Chau Kim Phong | Châu Kim Phong | x | | 10/4/1975 | Campuchia | 36/24 lô D | 1975 |
| 72 | Chuong Van | Chương Văn | x | | 10/02/1970 | Campuchia | 148 lô A | 17/5/1975 |
| 73 | Cui Chu | Tạ Quế Châu | | x | 13/11/1951 | Campuchia | 40/147 lô D | 08/01/1979 |
| 74 | Chuong Vi | Chương Vĩ | x | | 06/4/1962 | Campuchia | 148 lô A | 17/5/1975 |
| 75 | Chow Thanh Chau | Chow Thanh Chau | x | | 24/11/1961 | Campuchia | 7/155 lô A | 1979 |
| 76 | Bo Suy Lang | Bồ Sùy Lan | | x | 02/02/1954 | Campuchia | 1/68B lô A | 1975 |
| 77 | Bo Suy Sit | Bồ Sùy Sít | | x | 1961 | Campuchia | 1/68b lô A | 1975 |
| 78 | Bo Ha | Bồ Hà | | x | 1935 | Campuchia | 1/68b lô A | 1975 |
| 79 | Bin Bopha Chan | Bin Bão Chân | | x | 17/5/1947 | Campuchia | 162 lô D | 25/10/1975 |
| 80 | Bao Kim Seng | Lưu Kim Thành | x | | 04/9/1946 | Campuchia | 30 lô H | 1979 |
| 81 | Buon Muoi | Văn Muội | | x | 11/8/1946 | Campuchia | 62 lô A2 | 13/8/1979 |
| 82 | Bach Dung | Bách Dung | | x | 13/8/1942 | Campuchia | 9 lô A | 04/12/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 83 | Bao Sey Tuot | Lưu Tuấn Phát | x | | 12/10/1985 | Tp Hồ Chí Minh | 30 lô H | |
| 84 | Bo Say Hu | Bồ Say Hủ | | x | 10/4/1975 | Campuchia | 31-32 lô P | 05/5/1975 |
| 85 | Bo Duc Xoi | Bồ Dục Hòa | x | | 15/4/1983 | Bình Dương | 31-32 lô P | |
| 86 | Bo Duc Cuong | Bồ Dục Cường | x | | 01/01/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 31-32 lô P | |
| 87 | Bao Ar Pol | Lưu Tuấn Bình | x | | 10/6/1983 | Tp Hồ Chí Minh | 30 lô H | |
| 88 | Bo Duc Phut | Bồ Dục Phúc | x | | 01/01/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 31-32 lô P | |
| 89 | Bo Cam Nghi | Bồ Cam Nghi | x | | 01/5/1926 | Campuchia | 31-32 lô P | 05/5/1975 |
| 90 | Bo Say Khung | Bồ Say Khanh | | x | 10/02/1967 | Campuchia | 31-32 lô P | 05/5/1975 |
| 91 | Bo Say Dung | Bồ Say Dung | | x | 23/3/1974 | Campuchia | 31-32 lô P | 05/5/1975 |
| 92 | Bo Duc Vay | Bồ Dục Huy | x | | 26/12/1969 | Campuchia | 31-32 lô P | 05/5/1975 |
| 93 | Ang Kien Hieng | Ang Kiên Hiêng | x | | 27/7/1956 | Campuchia | 7 lô P | 13/11/1979 |
| 94 | Almedine Isabella | Trần Quỳnh Như | | x | 03/5/1959 | Campuchia | 166 lô H | 05/12/1975 |
| 95 | Huynh Chung | Huỳnh Chủng | x | | 07/3/1940 | Campuchia | 227 lô E | 1975 |
| 96 | Huynh Hoa | Huỳnh Hoa | x | | 18/8/1965 | Campuchia | 14 lô B | 1979 |
| 97 | Huynh San | Huynh Suân | x | | 14/11/1970 | Campuchia | 125 lô B | 1975 |
| 98 | Huynh Tuyet Mai | Huỳnh Tuyết Mai | | x | 14/11/1989 | Bình Dương | 162 lô H | |
| 99 | Huynh Kuy Eng | Huỳnh Quý Anh | | x | 15/6/1951 | Campuchia | 13 A-B/93 | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 100 | Huynh Hung | Huỳnh Hùng | x | | 24/6/1972 | Campuchia | 123 lô B | 1975 |
| 101 | Huynh Ly Hen | Huỳnh Lỳ Hên | x | | 18/9/1958 | Campuchia | 185 lô E | 15/01/1978 |
| 102 | Huynh Quoc Chi | Huỳnh Quốc Chí | x | | 25/11/1981 | Bình Dương | 81 lô D | |
| 103 | Huynh Khanh Lan | Huỳnh Khánh Lâm | x | | 06/01/1979 | Campuchia | 171 lô D | 1979 |
| 104 | Huynh Phuoc | Huỳnh Phước | x | | 28/11/1973 | Campuchia | 261B lô H7 | 1979 |
| 105 | Huynh Thanh Hung | Huỳnh Thành Hưng | x | | 22/01/1958 | Việt Nam | 13 lô A1 | |
| 106 | Gian Chai | Giãn Chai | | x | 17/8/1921 | Trung Quốc | 3 lô B | 1975 |
| 107 | Giang Anh | Giang Anh | | x | 02/4/1939 | Campuchia | 144 lô B | 04/6/1975 |
| 108 | Giang Tai Hao | Giang Tai Hao | | x | 11/3/1921 | Campuchia | 7/155 lô A | 1979 |
| 109 | Fuoc Yuc Hung | Phước Ngọc Hưng | | x | 21/4/1953 | Campuchia | 94 lô A3 | 22/10/1979 |
| 110 | Fong (Ly) Wai Minh | Fồng Ly Wai Minh | x | | 08/11/1980 | Việt Nam | 175 lô D | |
| 111 | Fong (Ly) Jan Kon | Fồng Ly Ján Kôin | x | | 19/02/1952 | Campuchia | 175 lô D | 02/7/1979 |
| 112 | Fong Waing Jam | Fồng Waing Jâm | | x | 03/02/1955 | Campuchia | 175 lô D | 02/7/1979 |
| 113 | Ea Bui Chua | Dương Bồi Tuyền | x | | 20/5/1965 | Campuchia | 46 lô B | 1979 |
| 114 | Ea Sieu Dung | Dương Siêu Dung | | x | 17/02/1955 | Campuchia | 8 lô B | 12/4/1979 |
| 115 | Eng Kim Xeak | Êng Kim Xeak | | x | 07/4/1943 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 116 | Ea Bui Nguon | Dương Bồi Nguyên | x | | 18/4/1958 | Campuchia | 84 lô A | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 117 | Eng Chin Nghek | Eng Chin Ngọc | | x | 25/4/1964 | Campuchia | 84D/33 | 1979 |
| 118 | Eng Chin Noan | Eng Chin Liên | | x | 05/10/1963 | Campuchia | 84D/33 | 1979 |
| 119 | Do Thi Bong | Đỗ Thị Bông | | x | 05/5/1940 | Campuchia | 53/3E lô H | 1975 |
| 120 | Dương Que Phanh | Dương Quê Phương | x | | 22/02/1944 | Campuchia | 165 lô B | 1975 |
| 121 | Diep Chi Xong | Diệp Chí Xong | x | | 12/5/1969 | Campuchia | 20B lô P | 17/4/1975 |
| 122 | Diep Hue Man | Diệp Huệ Mẫn | | x | 22/8/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 20B lô P | |
| 123 | Diep Cheng | Diệp Trân | | x | 02/5/1952 | Campuchia | 30 lô H | 1979 |
| 124 | Du Quai Dung | Du Tuệ Dung | | x | 04/9/1987 | Việt Nam | 8 lô P | |
| 125 | Diep Toan | Diệp Toàn | x | | 25/12/1948 | Campuchia | 242 lô H | |
| 126 | Do Thi Thien | Đỗ Thị Thiên | | x | 20/5/1966 | Campuchia | 17 lô H | 01/6/1975 |
| 127 | Du Thanh Tu | Du Thanh Tú | x | | 01/8/1917 | Trung Quốc | 8 lô P | 30/6/1975 |
| 128 | Du Nai Quan | Du Nai Quận | x | | 24/11/1956 | Campuchia | 8 lô P | 30/6/1975 |
| 129 | Du Lang | Du Tuấn Kiệt | x | | 06/8/1981 | Bình Dương | 8 lô P | |
| 130 | Duong Tich Nam | Dương Tích Nam | x | | 25/4/1979 | Việt Nam | 60 lô B | |
| 131 | Du Kim Hun | Du Kim Huôn | | x | 14/02/1938 | Campuchia | 104 lô A | 1975 |
| 132 | Dam Minh Phu | Đàm Ngã Tam | | x | 12/5/1973 | Campuchia | 61B lô C | 15/7/1979 |
| 133 | Dam Heng Minh | Đàm Quốc Minh | x | | 01/10/1975 | Campuchia | 61B lô C | 15/7/1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 134 | Diep Trang | Diệp Trang | | x | 09/11/1952 | Campuchia | 58 lô C | 1975 |
| 135 | Dang Hue Sinh | Đặng Huệ Sinh | x | | 19/7/1965 | Campuchia | 169B lô D | 16/6/1975 |
| 136 | Duong Phoi Lien | Đường Phối Liên | | x | 01/9/1987 | Tp Hồ Chí Minh | 41 lô D | |
| 137 | Dang Ai Nhi | Đặng Ái Nhi | | x | 06/9/1968 | Campuchia | 169B lô D | 16/6/1975 |
| 138 | Duong Quy Hoa | Đường Quý Hòa | x | | 29/8/1985 | Bình Dương | 41 lô D | |
| 139 | Duong Dau | Đường Đậu | x | | 05/5/1970 | Campuchia | 41 lô D | 1979 |
| 140 | Duong Cuong | Đường Cường | x | | 26/11/1960 | Campuchia | 41 lô D | 1984 |
| 141 | Duong Vinh Hoa | Đường Vinh Hoa | x | | 24/5/1989 | Bình Dương | 41 lô D | |
| 142 | Duong Tay Phan | Dương Tiểu Phương | x | | 02/01/1957 | Campuchia | 165 lô B | 1975 |
| 143 | Dam Nhuan | Đàm Nhuận | x | | 25/5/1970 | Campuchia | 96B lô C | 27/10/1975 |
| 144 | Duong Ngo | Đường Thúy Nga | | x | 01/11/1968 | Campuchia | 82 lô D | 1979 |
| 145 | Đào Trọng Nhựt | Đào Trọng Nhựt | x | | 13/5/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 129 lô B | |
| 146 | Dang Ngoc Phuong | Đặng Ngọc Phương | | x | 26/6/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 38/162 lô D | 1979 |
| 147 | Dinh Wei Meng | Đinh Wei Meng | x | | 18/10/1966 | Campuchia | 13/157 lô A | 24/7/1979 |
| 148 | Du Vang | Du Tuấn Quang | x | | 06/11/1984 | Bình Dương | 8 lô P | |
| 149 | Duong Mui | Dương Thị Mùi | | x | 1925 | Campuchia | trại 979A | 1979 |
| 150 | Dinh Thi Lieu | Đinh Thị Liễu | | x | 12/5/1967 | Campuchia | 73 lô H | 10/6/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 151 | Dam Hung | Đàm Hùng | x | | 22/6/1933 | Campuchia | 96B lô C | 27/10/1975 |
| 152 | Du O | Du Ô | | x | 08/4/1944 | Campuchia | 147/40 lô D | 1979 |
| 153 | Diep Hoa | Diệp Hoa | | x | 07/7/1959 | Campuchia | 2 lô A | 28/8/1979 |
| 154 | Dang Mieu Mui | Đặng Tuyết Mai | | x | 05/5/1968 | Campuchia | 127 lô D | 30/6/1975 |
| 155 | Dang Kok Kong | Đặng Quốc Quang | x | | 28/01/1970 | Campuchia | 127 lô D | 30/6/1975 |
| 156 | Do Thi Diep | Đỗ Thị Diệp | | x | 01/01/1934 | Campuchia | 53/3E lô H | 1975 |
| 157 | Dang Kok Pov | Đặng Chí Phúc | x | | 15/01/1971 | Campuchia | 127 lô D | 30/6/1975 |
| 158 | Duong Da Di | Dương Da Di | x | | 24/02/1945 | Campuchia | 60 lô B | 26/9/1975 |
| 159 | Duong Kim Bo | Dương Kim Bo | | x | 28/5/1981 | Việt Nam | 60 lô B | |
| 160 | Do Van Sai | Đỗ Văn Sái | x | | 17/02/1941 | Campuchia | 53/3E lô H | 1975 |
| 161 | Do Si Hoa | Đỗ Si Hoa | | x | 06/11/1983 | Bình Dương | 53/3E lô H | |
| 162 | Do The Duc | Đỗ Thế Đức | x | | 28/4/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 53/3E lô H | |
| 163 | Duong Kiet Hoa | Dương Kiệt Hoa | | x | 20/8/1954 | Campuchia | 9/45 lô A | 20/6/1979 |
| 164 | Do The Long | Đỗ Thế Long | x | | 24/9/1986 | Bình Dương | 53/3E lô H | |
| 165 | Do Thi Hue | Đỗ Thị Huệ | | x | 30/11/1949 | Việt Nam | 11 lô P | |
| 166 | Dinh Ngoc Chanh | Đinh Ngọc Chánh | | x | 07/11/1960 | Campuchia | 13/157 lô A | 1979 |
| 167 | Duong Sieu Hieng | Dương Siêu Hiêng | | x | 06/8/1988 | Việt Nam | 139 lô B | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 168 | Dinh Van Phuoc | Đinh Văn Phước | x | | 18/4/1988 | Campuchia | 73 lô H | 10/6/1975 |
| 169 | Dang Vi Hao | Đặng Vĩ Hào | x | | 18/11/1976 | Việt Nam | 11 lô C | |
| 170 | Dinh Van Duc | Đinh Văn Đức | x | | 01/10/1969 | Campuchia | 73 lô H | 10/6/1975 |
| 171 | Do The Minh | Đỗ Thế Minh | x | | 21/8/1978 | Campuchia | 53/3E lô H | |
| 172 | Diep Mau Trinh | Diệp Mâu Trinh | | x | 22/02/1927 | Campuchia | 98/35b lô D | 09/9/1975 |
| 173 | Dang Kok Koeng | Đặng Quốc Khéng | x | | 19/10/1972 | Campuchia | 127 lô D | 30/6/1975 |
| 174 | Dao Trong Sinh | Đào Trọng Sinh | x | | 16/10/1978 | Tp Hồ Chí Minh | 129 lô B | |
| 175 | Duong Gion | Đường Dung | | x | 06/12/1978 | Tp Hồ Chí Minh | 107 lô E | |
| 176 | Dam Thieu Quyen | Đàm Thiếu Quyên | | x | 14/12/1967 | Campuchia | 96B lô C | 27/10/1975 |
| 177 | Chung Thay Khou | Chung Tháy Hùng | x | | 16/7/1971 | Campuchia | 21-22 lô P | 1975 |
| 178 | Chung Da Ra | Chung Đà Ra | x | | 17/4/1973 | Campuchia | 21-22 lô P | 1975 |
| 179 | Chau Chi Khoan | Châu Chí Nguyền | x | | 22/10/1965 | Campuchia | 65 lô C | 21/11/1975 |
| 180 | Chung Khey | Chung Khêy | x | | 1982 | Bình Dương | 1/68 lô A | |
| 181 | Che Que Quang | Tạ Gia Vinh | x | | 29/6/1983 | Tp Hồ Chí Minh | 29 lô P | |
| 182 | Che Cham Po | Tạ Cham Pa | x | | 14/8/1955 | Campuchia | 29 lô P | 1975 |
| 183 | Che Qui Sang | Tạ Bội Sang | | x | 21/10/1988 | Bình Dương | 29 lô P | |
| 184 | Chau Chi Hoa | Châu Chí Hoa | x | | 08/4/1961 | Campuchia | 86/37 lô D | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 185 | Chau Chi Mui | Châu Chí Mũi | | x | 01/02/1962 | Campuchia | 86/37 lô D | 1975 |
| 186 | Cheng Huy Bun | Trần Bội Linh | | x | 07/4/1972 | Campuchia | 129 lô D | 15/8/1979 |
| 187 | Chau Binh | Châu Bình | | x | 30/11/1971 | Campuchia | 3/154 lô A | 14/7/1979 |
| 188 | Chuong Muoi | Chương Muối | | x | 27/9/1968 | Campuchia | 148 lô A | 17/5/1975 |
| 189 | Chow Mey Mey | Chow Mey Mey | | x | 15/9/1982 | Việt Nam | 7/155 lô A | |
| 190 | Chow Chen Hoa | Chow Chen Hoa | x | | 13/2/1986 | Việt Nam | 7/155 lô A | |
| 191 | Tran Van Thieu | Trần Văn Thiệu | x | | 17/01/1937 | Campuchia | Lô A 137 | 1975 |
| 192 | Trần Thanh Nhã | Trần Thanh Nhã | x | | 28/02/1982 | Việt Nam | 27 lô P | |
| 193 | Tran Thuc Cam | Trần Thục Cầm | | x | 13/12/1952 | Campuchia | 92 lô D3 | 31/5/1975 |
| 194 | Tran Tung Hy | Trần Thuận Hỷ | x | | 23/01/1965 | Campuchia | 145 lô B | 26/6/1975 |
| 195 | Tran Thi Phuong | Trần Thị Phương | | x | 26/6/1963 | Campuchia | Lô A 137 | 1975 |
| 196 | Tran Ty | Trần Tỷ | x | | 18/3/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 31/19D lô D | 1975 |
| 197 | Try Srey On | Phan Thị Sậy | | x | 06/4/1959 | Campuchia | 37 lô P | 1975 |
| 198 | Try Pi Ten | Nguyễn Hoàng Lâm | x | | 28/9/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 37 lô P | |
| 199 | Try Hong Eng | Nguyễn Văn Mong | x | | 09/8/1952 | Campuchia | 37 lô P | 1975 |
| 200 | Try Srey Mum | Nguyễn Thị Loan | | x | 19/4/1979 | Tây Ninh | 37 lô P | |
| 201 | Trần Bích Anh | Trần Bích Anh | | x | 02/12/1966 | Campuchia | 1 lô B | 30/6/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 202 | Tran Bich Tran | Trần Bích Trần | | x | 02/10/1971 | Campuchia | 1 lô B | 30/6/1975 |
| 203 | Tran Bich Ngoc | Trần Bích Ngọc | | x | 03/5/1976 | An Giang | 1 lô B | |
| 204 | Tran Bich Trang | Trần Hữu Hà | x | | 28/02/1970 | Campuchia | 1 lô B | 30/6/1975 |
| 205 | Tran Van Long | Trần Văn Long | x | | 02/12/1976 | Tp Hồ Chí Minh | 137B lô A | |
| 206 | Trang Su Phuong | Trang Su Phương | | x | 20/7/1971 | Campuchia | 90B lô B | 1979 |
| 207 | Tran Yen Thanh | Trần Yến Thành | x | | 08/9/1957 | Campuchia | 92 lô D3 | 31/5/1975 |
| 208 | Tran Van Ky | Trần Văn Ky | x | | 02/10/1924 | Campuchia | 31/19 lô D | 1975 |
| 209 | Tsinh Khuynh Toan | Tăng Khung Toàn | | x | 24/4/1925 | Campuchia | 24/1B lô B | 25/6/1975 |
| 210 | Tran Xuan Hoa | Trần Xuân Hòa | x | | 18/5/1925 | Campuchia | 90 lô H | 19/10/1975 |
| 211 | Tran Dam Hue Quyen | Tran Dam Hue Quyen | | x | 22/7/1965 | Campuchia | 105 lô C | 6/1975 |
| 212 | Tran Chi Cuong | Trần Chí Cường | x | | 06/8/1965 | Campuchia | 5 lô B | 05/6/1975 |
| 213 | Tram Choi | Trâm Chơi | x | | 13/10/1978 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |
| 214 | Tram Dung | Trâm Dung | | x | 18/8/1976 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |
| 215 | Tran Dam Hue Phuong | Trần Đàm Huệ Phương | | x | 22/6/1966 | Campuchia | 88 lô D | 6/1975 |
| 216 | Tran Dam Hue Quyen | Tran Dam Hue Quyen | | x | 01/02/1972 | Campuchia | 88 lô D | 6/1975 |
| 217 | Tran Dang Hung | Trần Đặng Hùng | x | | 22/10/1971 | Campuchia | 6B lô B | 1975 |
| 218 | Tram Chac | Trâm Chức | x | | 10/10/1974 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 219 | Tran Dao Xuan Hoan | Trần Dao Xuân Hoan | | x | 22/3/1939 | Campuchia | 88 lô D | 6/1975 |
| 220 | Tran Dam Chi Minh | Trần Đàm Chí Minh | x | | 28/6/1969 | Campuchia | 88 lô D | 6/1975 |
| 221 | Tran Dam Chi Dong | Trần Đàm Chí Đông | x | | 14/5/1976 | Tp Hồ Chí Minh | 88 lô D | |
| 222 | Tran Dam Chi Lam | Trần Đàm Chí Lâm | x | | 26/8/1970 | Campuchia | 88 lô D | 6/1975 |
| 223 | Tran Quoc Thanh | Trần Quốc Thành | x | | 16/6/1984 | Việt Nam | 142 lô D | |
| 224 | Trang Quan Bun | Trân Quân Văn | x | | 20/12/1967 | Campuchia | 158 (133) lô D | 28/8/1979 |
| 225 | Tran Phu Hung | Trần Phú Hưng | x | | 29/4/1987 | Tp Hồ Chí Minh | 36 lô P | |
| 226 | Tran Quay Di | Tran Quay Di | | x | 17/4/1982 | Bình Dương | 41 lô A | |
| 227 | Tran Que | Trần Quế | | x | 06/02/1947 | Campuchia | 5/83 lô A | 1975 |
| 228 | Tran Phuoc Lam | Trần Phước Lâm | x | | 07/8/1971 | Campuchia | 19 lô B | 01/9/1979 |
| 229 | Tran Poch Nghi | Trần Vĩ Nghĩa | x | | 20/8/1979 | Campuchia | 20 lô H | |
| 230 | Tran Poch Hoa | Trần Poch Hoa | x | | 04/8/1949 | Campuchia | 20 lô H | 1979 |
| 231 | Tran Poch Ton | Trần Vĩ Trung | x | | 16/3/1977 | Campuchia | 20 lô H | 1979 |
| 232 | Tran Poch Huy Kheng | Trần Huệ Khanh | | x | 03/3/1982 | Bình Dương | 20 lô H | |
| 233 | Tran Quan | Trần Quan | | x | 20/11/1917 | Trung Quốc | 81b/12 lô C | 13/8/1975 |
| 234 | Tran Quy Tran | Trần Quý Trân | | x | 22/8/1944 | Campuchia | 72 lô C | 1975 |
| 235 | Te Muoi Kim | Tê Muội Kim | | x | 20/12/1952 | Campuchia | 7 lô P | 13/11/1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 236 | Tran Phuoc Tai | Trần Phước Tài | x | | 10/9/1965 | Campuchia | 53 lô D2 | 1975 |
| 237 | Tien Vi Coc | Tiên Vi Quốc | x | | 01/6/1969 | Campuchia | 43/246 lô H7 | 10/1975 |
| 238 | Tien Vi Cuong | Tiên Vi Cường | x | | 01/10/1967 | Campuchia | 43/246 lô H7 | 10/1975 |
| 239 | Tran Kim Chou | Trần Kim Châu | | x | 03/12/1950 | Campuchia | 85 lô B | 08/8/1979 |
| 240 | Tea Gu Chanh | Dương Như Trinh | | x | 19/8/1967 | Campuchia | 44 lô A | 6/1979 |
| 241 | Tran Luc Binh | Trần Lục Bình | | x | 30/9/1941 | Campuchia | 85 lô B | 1979 |
| 242 | Tran Hao | Trần Hảo | | x | 10/02/1932 | Campuchia | 57 lô B | 24/6/1975 |
| 243 | Tran Ky | Trần Kỳ | | x | 20/6/1962 | Campuchia | 144 lô B | 04/6/1975 |
| 244 | Tran Hui Phang | Trần Huệ Phương | | x | 10/5/1938 | Campuchia | 43 lô B | 1975 |
| 245 | Tran Thi Dung | Trần Thị Dung | | x | 25/3/1930 | Campuchia | 127 lô D | 30/6/1975 |
| 246 | Tran Thi Le | Trần Thị Lệ | | x | 03/9/1957 | Campuchia | 137 lô A | 1975 |
| 247 | Tran Tu Hue | Trần Tú Huệ | | x | 08/9/1959 | Campuchia | 90 lô H | 1975 |
| 248 | Tran Thi Quay | Trần Thị Quay | | x | 05/12/1964 | Campuchia | 149 lô B | 05/8/1975 |
| 249 | Tran Tu Linh | Trần Tú Linh | | x | 12/02/1961 | Campuchia | 90 lô H | 1975 |
| 250 | Tran Tu De | Trần Tú Đệ | x | | 26/5/1970 | Campuchia | 90 lô H | 1975 |
| 251 | Tran Tu Khanh | Trần Tú Khanh | | x | 24/6/1964 | Campuchia | 90 lô H | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 252 | Tran Tu Trinh | Trần Tú Trinh | | x | 24/02/1967 | Campuchia | 90 lô H | 1975 |
| 253 | Tran Try | Trần Try | x | | 10/6/1969 | Campuchia | 150 lô B | 1979 |
| 254 | Tran Thi Chanh | Trần Thị Chánh | | x | 15/6/1967 | Campuchia | 138 lô A | 1975 |
| 255 | To Binh | Tô Bình | | x | 11/10/1968 | Campuchia | 47 lô B | 1979 |
| 256 | Try Pa La | Nguyễn Thị Lan | | x | 09/9/1984 | Bình Dương | 37 lô P | |
| 257 | To Lien Phến | Tô Liên Bình | x | | 18/7/1984 | Việt Nam | 167 lô B | |
| 258 | To Bung | Tô Bung | | x | 02/7/1963 | Campuchia | 47 lô B | 1979 |
| 259 | To Thi Lang | Tô Thị Lang | | x | 20/8/1972 | Campuchia | 291 lô E | 1979 |
| 260 | To Thị Xe | Tô Thị Thanh | | x | 25/7/1985 | Việt Nam | 167 lô B | 1979 |
| 261 | To Thi Lai | Tô Thị Lái | | x | 15/9/1978 | Việt Nam | 167 lô B | 1978 |
| 262 | To Thi Tho | Tô Thị Thó | | x | 22/7/1962 | Campuchia | 285 lô E | 15/01/1979 |
| 263 | To Van Hung | Tô Văn Hùng | x | | 15/7/1964 | Campuchia | 148 lô N | 18/5/1975 |
| 264 | To Lien Thanh | Tô Liên Thành | x | | 02/10/1943 | Campuchia | 167 lô B | 1979 |
| 265 | To Man Nhi | To Man Nhi | | x | 15/11/1962 | Campuchia | 7/155 lô A | 1979 |
| 266 | To Phat Han | Tô Phật Hàn | x | | 03/4/1985 | Bình Dương | 148 lô N | |
| 267 | To Dong Truyen | Tô Đông Truyền | x | | 12/12/1983 | Bình Dương | 9/45 lô A | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 268 | To Le Anh | Tô Lê Anh | | x | 30/8/1987 | Bình Dương | 9/45 lô A | |
| 269 | To Dong Thanh | Tô Đông Thành | x | | 18/12/1982 | Bình Dương | 9/45 lô A | |
| 270 | To Cuong | Tô Cường | x | | 09/02/1952 | Campuchia | 9/45 lô A | 1979 |
| 271 | Tran Hoa | Trần Hoa | | x | 05/5/1955 | Campuchia | 15 lô P | 1975 |
| 272 | Tram Dau | Trâm Dàu | x | | 15/9/1969 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |
| 273 | Thong Canh Seng | Thông Cảnh Sang | x | | 17/8/1945 | Campuchia | 33/126c lô C | 05/12/1979 |
| 274 | Thai Lai | Thái Lai | x | | 13/3/1970 | Campuchia | 11 lô B | 04/6/1975 |
| 275 | Thai Lam | Châu Thái Lam | | x | 11/12/1947 | Campuchia | 21/49 lô H | 01/6/1975 |
| 276 | Thai Chhavy Sophea | Thái Kim Lan | | x | 07/4/1959 | Campuchia | 112 lô C | 12/10/1975 |
| 277 | Thai Nga | Thái Nga | | x | 24/8/1947 | Campuchia | 84 lô H | 1979 |
| 278 | Thai Muoi | Thái Muội | | x | 28/5/1946 | Campuchia | 85 lô B | 08/8/1979 |
| 279 | Thai Ang | Thái An | x | | 25/12/1977 | Campuchia | 85 lô B | 08/8/1979 |
| 280 | Thai Veng | Thái Vinh | x | | 01/9/1980 | Việt Nam | 85 lô B | |
| 281 | Thang My | Thang Mỹ | | x | 09/8/1948 | Campuchia | 30/132 lô D | 01/4/1979 |
| 282 | Thai Get Ky | Thái Ngọc Ky | | x | 02/8/1951 | Campuchia | 55 lô E | 08/7/1975 |
| 283 | Thai Minh Pao | Thái Minh Pao | x | | 11/6/1923 | Campuchia | 55 lô E | 08/7/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 284 | Thai Get Lang | Thái Ngọc Lan | | x | 01/7/1947 | Campuchia | 55 lô E | 08/7/1975 |
| 285 | Thai Cheat Ros | Thái Tuấn | x | | 12/01/1982 | An Giang | 112 lô C | |
| 286 | To Quan | Tô Quan | x | | 01/4/1967 | Campuchia | 46 lô B | 1975 |
| 287 | To Tieu Quoanh | Tô Tiểu Oanh | | x | 18/7/1987 | Việt Nam | 46 lô B | |
| 288 | Tô Liên Chia | Tô Liên Kiệt | x | | 06/02/1982 | Việt Nam | 167 lô B | |
| 289 | Ky Chi Men | Ký Chí Minh | x | | 05/5/1983 | Việt Nam | 56 lô B | |
| 290 | Keo Chan Đa | Ngô Xuân Thủy | | x | 21/8/1964 | Campuchia | 15 lô P | |
| 291 | Keo Na Rec | Đỗ Bích Tuyền | | x | 26/02/1989 | Tp Hồ Chí Minh | 15 lô P | |
| 292 | Keo Ngoc Giau | Trần Yến Ngọc | | x | 03/6/1989 | Tây Ninh | 15 lô P | |
| 293 | Kau Yun Chheang | Cao Nhuận Xương | x | | 25/8/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 17 lô A | |
| 294 | Ing Kim Sang | Huỳnh Kim Sang | x | | 05/11/1981 | Việt Nam | 81 lô C | |
| 295 | Ing Kim Sua | Huỳnh Kim Sua | x | | 17/7/1983 | Việt Nam | 81 lô C | |
| 296 | Ieong Huon | Ieong Hươn | | x | 19/3/1959 | Campuchia | 53/3E lô H | 1975 |
| 297 | Ieong Leng | Ieong Léng | x | | 15/8/1961 | Campuchia | 4 lô C | 1975 |
| 298 | Ing Kim Sai | Huỳnh Kim Sai | x | | 10/12/1987 | Việt Nam | 81 lô C | |
| 299 | Ing Kim Lien | Huỳnh Kim Liên | | x | 20/02/1985 | Việt Nam | 81 lô C | |
| 300 | Ha Quoc Cuong | Hà Quốc Cường | x | | 30/01/1978 | Tp Hồ Chí Minh | 4 lô D | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 301 | Huy Ly Khoan | Huy Ly Khoan | | x | 10/01/1962 | Campuchia | 91 lô D | 1979 |
| 302 | Ho Duc Cam | Hồ Ngọc Cẩm | | x | 29/3/1962 | Campuchia | 172 lô B | 1975 |
| 303 | Ha Chi Hung | Hà Chí Hùng | x | | 17/7/1947 | Campuchia | 4 lô D | 1975 |
| 304 | Ha Quoc Minh | Hà Quốc Minh | x | | 15/6/1976 | Tp Hồ Chí Minh | 4 lô D | |
| 305 | Hoang Kinh Lien | Hoang Kinh Liên | x | | 07/4/1971 | Campuchia | 53A lô H | 10/10/1979 |
| 306 | Hoang Ly Kim | Hoàng Ly Kim | | x | 10/12/1968 | Campuchia | 53A lô H2 | 10/10/1979 |
| 307 | Hong Tou Pong | Trần Thị Thu Phong | | x | 01/4/1954 | Campuchia | 2 lô P | 15/6/1975 |
| 308 | Heng Cung Muoi | Vương Quân Mỹ | | x | 06/9/1971 | Campuchia | 21 lô H | 1975 |
| 309 | Hwan Hue Mi | Huỳnh Huệ Mi | | x | 22/12/1986 | Tp Hồ Chí Minh | 8 lô C | |
| 310 | Huynh Xung | Huỳnh Xứng | x | | 24/01/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 127 lô B | |
| 311 | Huynh Ngoc | Huỳnh Ngọc | x | | 17/6/1921 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 312 | Huynh Thi Binh | Huỳnh Thị Bình | | x | 28/10/1972 | Campuchia | 56 lô D | 1975 |
| 313 | Huynh Hen | Huỳnh Hen | x | | 23/12/1962 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 314 | Huynh Muoi Lang | Huỳnh Muỗi Láng | | x | 01/3/1969 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 315 | Huynh Muoi En | Huỳnh Muỗi Ên | | x | 27/02/1961 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 316 | Huynh Thi Mai | Huỳnh Thị Mai | | x | 14/7/1955 | Campuchia | 18 lô H | 1975 |
| 317 | Huynh Thuong | Huỳnh Thường | x | | 24/6/1982 | Tp Hồ Chí Minh | 127 lô B | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 318 | Ho Mieu Khinh | Hồ Mỹ Quỳnh | | x | 30/10/1957 | Campuchia | 2 lô D | 1979 |
| 319 | Ha Ieu Yin | Hà Liêu Yin | x | | 18/02/1953 | Campuchia | 86 lô A | 1975 |
| 320 | Hinh Tim | Hình Tâm | x | | 23/5/1935 | Campuchia | 93 lô H | 1979 |
| 321 | Ho Thi Lang | Hồ Thị Lan | | x | 10/6/1937 | Campuchia | 81 lô D | 15/6/1975 |
| 322 | Heng Siek Theng | Heng Siek Theng | x | | 20/02/1954 | Campuchia | 62 lô B | 1979 |
| 323 | Hong Sieu Anh | Hồng Siêu Anh | | x | 01/5/1956 | Campuchia | 203 lô H | 1975 |
| 324 | Hong Sieu Tin | Hồng Siêu Tin | | x | 08/02/1960 | Campuchia | 20 lô B | 04/9/1979 |
| 325 | Huynh Sai Phong | Huỳnh Sai Phong | | x | 20/4/1958 | Campuchia | 4 lô B1 | 1975 |
| 326 | Huynh Muoi Hoa | Huỳnh Muỗi Hoa | | x | 10/02/1951 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 327 | Huynh Muoi Chu | Huỳnh Muỗi Chu | | x | 16/7/1972 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 328 | Huynh Coc Minh | Huỳnh Quốc Minh | x | | 01/9/1969 | Campuchia | 81 lô D | 15/6/1975 |
| 329 | Huynh Coc Binh | Huỳnh Quốc Bình | x | | 26/9/1977 | An Giang | 81 lô D | |
| 330 | Huynh Coc Hung | Huỳnh Quốc Hùng | x | | 01/5/1970 | Campuchia | 81 lô D | 15/6/1975 |
| 331 | Huynh Su | Huỳnh Sự | | x | 24/4/1948 | Campuchia | 33/126 lô C | 05/12/1979 |
| 332 | Huynh Ngao | Huỳnh Ngào | x | | 05/3/1946 | Campuchia | 127 lô B | 1975 |
| 333 | Hua Thoai Hue | Hứa Thái Huệ | | x | 13/10/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 214-215 lô H | |
| 334 | Hua Nhuc Phu | Hứa Nhất Phú | x | | 10/4/1984 | Tp Hồ Chí Minh | 214-215 lô H6 | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 335 | Hua Nhuc Hao | Hứa Nhất Hào | x | | 05/12/1972 | Campuchia | 214-215 lô H6 | 20/6/1975 |
| 336 | Huynh Khao | Huỳnh Khào | x | | 07/4/1974 | Campuchia | 121 lô B | 1975 |
| 337 | Hua Thieu Hoa | Hứa Thiếu Hòa | x | | 03/5/1968 | Campuchia | 22 lô B | 1975 |
| 338 | Hua Thieu Kiet | Hứa Thiếu Kiệt | x | | 25/6/1983 | Việt Nam | 22 lô B | |
| 339 | Hua Minh Duc | Hứa Minh Đức | x | | 25/6/1929 | Campuchia | 22 lô B | 1975 |
| 340 | Hua Phuc Toan | Hứa Phúc Toàn | x | | 04/12/1967 | Campuchia | 214-215 lô H6 | 20/6/1975 |
| 341 | Hua Bao Tran | Hứa Bác Trân | x | | 01/8/1948 | Campuchia | 214-215 lô H6 | 20/6/1975 |
| 342 | Hoang Van Thien | Hoàng Văn Thiên | x | | 15/7/1959 | Campuchia | 53A lô H2 | 10/10/1979 |
| 343 | Huynh Tam | Huỳnh Tâm | x | | 20/12/1971 | Campuchia | 54 lô D | 1975 |
| 344 | Huy Ly Cheng | Huy Lý Cheng | | x | 24/11/1963 | Campuchia | 91 lô D | 1979 |
| 345 | Ha Quoc Binh | Hà Quốc Bình | x | | 17/6/1972 | Campuchia | 4 lô D | 1975 |
| 346 | Hua Thoai Them | Hứa Thái Them | | x | 30/6/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 214-215 lô H6 | |
| 347 | Hua Nhuc Vinh | Hứa Nhất Vinh | x | | 11/11/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 214-215 lô H6 | |
| 348 | Hoang Chuyen Hao | Hoàng Chuyên Hảo | | x | 06/7/1940 | Campuchia | 20B lô P | 17/4/1975 |
| 349 | Huy Han Liep | Huy Han Liếp | x | | 10/10/1945 | Campuchia | 91B lô D | 1979 |
| 350 | Ha Quy Le | Hà Quý Lệ | | x | 02/4/1987 | Tp Hồ Chí Minh | 4 lô D | |
| 351 | Ha Chang Kuan | Hà Chang Kuan | x | | 12/3/1967 | Campuchia | 29/156 lô A | 21/10/1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 352 | Huynh Chau Tieu Bao | Huỳnh Châu Tiểu Bảo | x | | 19/7/1984 | Tp Hồ Chí Minh | 66/18-20 lô D | |
| 353 | Huynh Ha | Huỳnh Hà | x | | 19/91963 | Campuchia | 162 lô H | 1975 |
| 354 | Huynh Hen | Huỳnh Hen | x | | 10/8/1969 | Campuchia | 54 lô D | 1975 |
| 355 | Huynh Nghi | Huỳnh Nghi | x | | 24/6/1967 | Campuchia | 54 lô D | 1975 |
| 356 | Ha Eng | Hà Anh | | x | 16/10/1921 | Campuchia | 52 lô B | 04/9/1979 |
| 357 | Huynh Bung Im | Huỳnh Bung Im | | x | 07/4/1984 | Tp Hồ Chí Minh | 285 lô E | |
| 358 | Huynh Bung Ngoan | Huỳnh Bung Ngoan | x | | 12/02/1982 | Tp Hồ Chí Minh | 285 lô E | |
| 359 | Huynh Bung En | Huỳnh Bung Ên | | x | 21/5/1986 | Tp Hồ Chí Minh | 285 lô E | |
| 360 | Ho Mieu My | Hồ Mỹ Linh | | x | 19/5/1953 | Campuchia | 74 lô C | 1979 |
| 361 | Ho Mieu Dinh | Hồ Mỹ Anh | | x | 19/10/1955 | Campuchia | 74 lô C | 1979 |
| 362 | Heng Chan Thy | Dương Ái Thy | | x | 10/5/1972 | Campuchia | 32/25 lô D | 1975 |
| 363 | Hua Hao Phap | Hứa Hạo Pháp | x | | 15/02/1970 | Campuchia | 89 lô A3 | 1975 |
| 364 | Hua Thoai Dinh | Hứa Thái Dinh | | x | 15/9/1975 | Tp Hồ Chí Minh | 214-215 lô H6 | |
| 365 | Huynh Đong Đat | Huỳnh Đồng Đạt | x | | 03/11/1982 | Tp Hồ Chí Minh | 69-70 lô H | |
| 366 | Huynh Ngoc Mai | Huỳnh Ngọc Mai | | x | 07/8/1970 | Trung Quốc | 214-215 lô H6 | 20/6/1975 |
| 367 | Huynh Thuan Vinh | Huỳnh Thuận Vinh | x | | 05/8/1942 | Campuchia | 72 lô C | 1975 |
| 368 | Huynh Van Tuu | Huỳnh Văn Tuu | x | | 05/11/1925 | Trung Quốc | 56 lô D | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 369 | Huynh Van Cuong | Huỳnh Văn Cường | x | | 14/01/1971 | Campuchia | 56 lô D | 1975 |
| 370 | Huynh Thi Chanh | Huỳnh Thị Chánh | | x | 05/01/1970 | Campuchia | 56 lô D | 1975 |
| 371 | Huy Lam Nhien | Huy Lam Nhiên | | x | 21/11/1988 | Tp Hồ Chí Minh | 91b lô D | |
| 372 | Huynh Thi Lan | Huỳnh Thị Lan | | x | 20/8/1953 | Campuchia | 18 lô H | 1975 |
| 373 | Huynh Thi Sau | Huỳnh Thị Sáu | | x | 04/9/1937 | Campuchia | 56 lô D | 1975 |
| 374 | Hua Lai Trinh | Hứa Lai Trinh | | x | 1965 | Campuchia | 26 lô B | 1979 |
| 375 | Huynh Duc Chanh | Huỳnh Dục Chánh | | x | 13/10/1989 | Tp Hồ Chí Minh | 127 lô B | |
| 376 | Huynh Sai Keo | Huỳnh Sai Keo | | x | 17/11/1960 | Campuchia | 4 lô B1 | 1975 |
| 377 | Huynh Quoc Vi | Huỳnh Quốc Vĩ | x | | 31/8/1972 | Campuchia | 72 lô C | 1975 |
| 378 | Huynh Suc | Huỳnh Sục | | x | 08/5/1942 | Campuchia | 19 lô P | 01/10/1975 |
| 379 | Huynh Sam | Huỳnh Sâm | x | | 15/5/1918 | Campuchia | 54 lô D | 1975 |
| 380 | Huynh Nhu | Huỳnh Nhu | x | | 25/7/1964 | Campuchia | 54 lô D | 1975 |
| 381 | Huynh Boi Linh | Huỳnh Bội Linh | | x | 21/7/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 72 lô C | |
| 382 | Huynh Phoi Nhi | Huỳnh Phối Nhi | | x | 20/9/1969 | Campuchia | 72 lô C | 1975 |
| 383 | Ong Hien | Ôn Quốc Hiền | x | | 30/7/1961 | Campuchia | 4 lô P | 13/8/1975 |
| 384 | Ong Phia Shan | Ôn Bội Sang | | x | 01/4/1986 | Việt Nam | 3 lô P | |
| 385 | Ong Quoc Kinh | Ôn Quốc Kinh | x | | 20/7/1956 | Campuchia | 3 lô P | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 386 | Ong Vi Ha | Ôn Vi Hà | | x | 16/3/1970 | Campuchia | 3 lô P | 1975 |
| 387 | Ngo Vinh | Ngô Vinh | | x | 16/10/1966 | Campuchia | 77 lô C | 1975 |
| 388 | Ngo Thien Ky | Ngô Thiên Kỳ | x | | 26/12/1984 | Việt Nam | 340 lô E | |
| 389 | Nguyen Thi Thanh | Nguyễn Thị Thanh | | x | 17/6/1952 | Campuchia | 43E/45H lô H | 1975 |
| 390 | Nguyen Thi Thuy | Nguyễn Thị Thúy | | x | 29/3/1982 | Kiên Giang | 43E/45H lô H | |
| 391 | Ngo Ho | Ngô Hổ | x | | 29/8/1935 | Campuchia | 340 lô E | 1975 |
| 392 | Ngo Muon | Ngô Muôn | x | | 16/5/1964 | Campuchia | 48 lô C | 1975 |
| 393 | Ngo Chin Kim Heng | Trần Ngọc Linh | | x | 28/12/1972 | Campuchia | 29b lô A | 1975 |
| 394 | Ngo Chin Kim Hang | Ngô Chin Kim Hằng | | x | 04/01/1977 | Việt Nam | 29b lô A | |
| 395 | Ngo Do Ngo | Ngô Do Ngo | | x | 05/3/1971 | Campuchia | 29B/50 lô B | 25/4/1979 |
| 396 | Ngo Hui Coan | Ngô Hui Coan | | x | 23/02/1961 | Campuchia | 60 lô A | 1975 |
| 397 | Ngo Xuan Ly | Ngô Xuân Ly | | x | 01/02/1985 | Việt Nam | 16 lô A | |
| 398 | Ngo Xiem Kim | Ngô Xiêm Kim | | x | 19/10/1959 | Campuchia | 16 lô A | 19/10/1979 |
| 399 | Ngo Sieu Khanh | Ngô Siêu Khánh | x | | 1924 | Campuchia | 143 lô A4 | 1979 |
| 400 | Ngo Xuan Thanh | Ngô Xuân Thành | x | | 08/5/1953 | Campuchia | 83/10 lô C | 07/7/1975 |
| 401 | Ngo Lung | Ngô Lúng | x | | 28/7/1972 | Campuchia | 48 lô C | 1975 |
| 402 | Ngo Ton | Ngô Ton | | x | 27/4/1976 | Tây Ninh | 48 lô C | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 403 | Ngor Lu Xieu Yen | Ngô Lữ Ngọc Yến | | x | 10/12/1968 | Campuchia | 65 lô C | 1975 |
| 404 | Ngin Chan Thida | Ngin Chân ThiĐa | | x | 22/01/1967 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 405 | Nam Hiep Hoa | Nam Hiệp Hoa | | x | 26/10/1932 | Campuchia | 90 lô H | 1975 |
| 406 | Ne Ang Lanh | Nguyễn Thị Lành | | x | 10/01/1940 | Campuchia | 10 lô P | 01/8/1975 |
| 407 | Ngin Chan Leaksmy | Ngin Chân Leaksmy | | x | 23/5/1969 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 408 | Ngin Kim Sang | Ngin Kim Sáng | x | | 13/11/1939 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 409 | Ngang Kim Heng | Ngang Kim Héng | | x | 15/12/1936 | Campuchia | 52 lô E | 1975 |
| 410 | Ngin Chan Sotha | Ngin Chân Sôtha | x | | 16/8/1970 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 411 | Ngin Chan Mony | Ngin Chân Mông | | x | 18/02/1973 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 412 | Ngin Chan Sothy | Ngin Chân Sôthy | x | | 12/01/1972 | Campuchia | 88 lô C | 1975 |
| 413 | Nguon Phuoc | Nguồn Phước | | x | 05/5/1953 | Campuchia | 5 lô A | 10/1975 |
| 414 | Ngai Tu My | Ngai Tu My | | x | 12/9/1946 | Campuchia | 161 lô D | 1979 |
| 415 | Nguon Tri | Nguồn Trị | x | | 11/12/1976 | Tp Hồ Chí Minh | 5 lô A | |
| 416 | Nguyen Van Thu | Nguyễn Văn Thu | x | | 20/9/1969 | Campuchia | 43 lô C | 1979 |
| 417 | Nguyen Van Phong | Nguyễn Văn Phong | x | | 13/3/1986 | Tp Hồ Chí Minh | 43E/45H lô H | |
| 418 | Nguyen Van Hien | Nguyễn Văn Hiền | x | | 09/10/1971 | Campuchia | 43E/45H lô H | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 419 | Nguyen Thi Hang | Nguyễn Thị Hằng | | x | 27/12/1984 | Kiên Giang | 43E/45H lô H | |
| 420 | Nguyen Thi Ngoc | Nguyễn Thị Ngọc | | x | 28/4/1941 | Campuchia | 23-24 lô P | 12/3/1975 |
| 421 | Nguyen Thi Lang | Nguyễn Thị Lang | | x | 15/6/1947 | Campuchia | 41 lô A | 05/8/1975 |
| 422 | Ngo Vinh Thanh | Ngô Vinh Thành | x | | 17/02/1931 | Campuchia | 134 lô B | 1975 |
| 423 | Ngo Van Vinh | Ngô Văn Vinh | x | | 20/5/1970 | Campuchia | 134 lô B | 1975 |
| 424 | Ngo Van Minh | Ngô Văn Minh | x | | 01/12/1968 | Campuchia | 134 lô B | 1975 |
| 425 | Ngo Linh | Ngô Linh | x | | 24/02/1928 | Campuchia | 104 lô A | 1975 |
| 426 | Ngo Muoi | Ngô Lang | | x | 04/6/1942 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |
| 427 | Ngo Ton | Ngô Ton | x | | 11/11/1949 | Campuchia | 41/208 lô H | 30/6/1975 |
| 428 | Ngo Ly | Ngo Ly | x | | 19/6/1959 | Campuchia | 150 lô B | 1975 |
| 429 | Ngo Ly Xem | Ngô Lý Xem | | x | 15/5/1967 | Campuchia | 92 lô D3 | 12/6/1979 |
| 430 | Ngo Vong | Ngô Vong | | x | 08/5/1950 | Campuchia | 127 lô B | 1975 |
| 431 | Ngo Ly Khenh | Ngô Ly Khênh | | x | 07/4/1972 | Campuchia | 143 lô A4 | 1979 |
| 432 | Ngo Ngoc Lan | Ngô Ngọc Lan | | x | 29/02/1947 | Campuchia | 9 lô P | 1975 |
| 433 | Mak Chinh Huu | Mạch Chính Hảo | | x | 08/10/1952 | Campuchia | 175b lô D | 1975 |
| 434 | Ma Ngoc Lan | Mã Ngọc Lan | | x | 01/10/1930 | Campuchia | 160-22 lô D | 20/6/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 435 | Mac My Linh | Mạc Mỹ Linh | | x | 09/5/1989 | Bình Dương | 11 lô P | |
| 436 | Ma Hong | Mã Hồng | | x | 12/3/1976 | Campuchia | 85 lô B | 1979 |
| 437 | Ma Xai Diep | Mã Xái Diệp | | x | 07/7/1934 | Campuchia | 6 lô P | 1975 |
| 438 | Mach Le Phuong | Mạch Lê Phương | | x | 11/10/1937 | Campuchia | 94 lô C | 26/6/1979 |
| 439 | Mao Kim Yin | Mao Kim Yến | | x | 28/8/1937 | Campuchia | 61b lô C | 15/7/1979 |
| 440 | Manh Quang | Mạnh Quang | x | | 23/11/1946 | Campuchia | 95 lô D | 09/7/1979 |
| 441 | Ma Quy Teng | Mã Quy Têng | | x | 14/01/1958 | Campuchia | 29 lô A | 10/10/1975 |
| 442 | Mai Lu Eng | Mai Huệ Anh | | x | 08/9/1951 | Campuchia | 14 lô D | 1979 |
| 443 | Ma Hong | Mã Hồng | | x | 08/7/1959 | Campuchia | 215 lô E | 1975 |
| 444 | Mạch Khai | Mạch Khai | | x | 15/6/1944 | Campuchia | 94b lô C | 23/7/1979 |
| 445 | Ma Khay | Mã Khay | x | | 19/8/1968 | Campuchia | 21 lô H | 1975 |
| 446 | Ma Nghiep | Mã Nghiệp | x | | 07/10/1966 | Campuchia | 21 lô H | 1975 |
| 447 | Ma Hung Dieu | Mã Hùng Huy | x | | 30/8/1975 | Tp Hồ Chí Minh | 21 lô H | |
| 448 | Ma Hui Lang | Mã Huệ Lang | | x | 22/5/1949 | Campuchia | 85 lô B | 1979 |
| 449 | Muc Song En | Lý Ngọc Yến | | x | 1975 | Việt Nam | 97 lô A | |
| 450 | Muc Ly Len | Lý Len | x | | 1945 | Campuchia | 97 lô A | 1975 |
| 451 | Muc Song Mui | Lý Ngọc Huệ | | x | 1980 | Việt Nam | 97 lô A | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 452 | Lao Quet Hoa | Lưu Ngọc Hoa | | x | 21/11/1971 | Campuchia | 178 lô D | 1975 |
| 453 | Lai Du Thanh | Lai Du Thành | x | | 20/5/1942 | Trung Quốc | 137 lô B4 | 20/7/1979 |
| 454 | Lam Ky Lan | Lâm Kỳ Lân | x | | 28/4/1988 | Việt Nam | 175 lô B | |
| 455 | Lai Keng Phong | Lai Kéng Phong | x | | 30/9/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 137 lô B4 | |
| 456 | Lam Phuoi Tung | Lâm Đông | x | | 01/12/1974 | Campuchia | 63 lô B | 24/9/1979 |
| 457 | Lam Phuoi Din | Lâm Nguyên | x | | 03/10/1971 | Campuchia | 63 lô B | 24/9/1979 |
| 458 | Lam Lien | Lâm Liên | | x | 06/4/1953 | Campuchia | 171/55 lô H | 1975 |
| 459 | Lam Tuyet | Lâm Tuyết | | x | 13/5/1925 | Campuchia | 92 lô D3 | 31/5/1975 |
| 460 | Lam Hoc | Lâm Phụng | | x | 11/4/1955 | Campuchia | 171/55 lô H | 1975 |
| 461 | Lam Seam Ieng | Lâm Sam Hiêng | | x | 1949 | Campuchia | trại 979A | 1979 |
| 462 | Lam Bo | Lâm Bo | x | | 09/3/1959 | Campuchia | 171/57 lô H | 1975 |
| 463 | Lay Luc Liên | Lay Ngọc Liên | | x | 04/4/1937 | Campuchia | 31-32 lô P | 05/5/1975 |
| 464 | Lam Kien Quyen | Lâm Kiêu Quyên | | x | 25/12/1938 | Campuchia | 50B lô D | 03/7/1979 |
| 465 | La Xau Lang | La Xâu Lan | | x | 27/10/1960 | Campuchia | 169 lô D | 02/7/1975 |
| 466 | Lam Hai | Lâm Hải | x | | 01/02/1967 | Campuchia | 171/55 lô H | 1975 |
| 467 | La Xau Canh | La Xâu Cảnh | | x | 02/6/1967 | Campuchia | 169 lô D | 02/7/1975 |
| 468 | La Xau Yen | La Xâu Yến | | x | 02/6/1967 | Campuchia | 169 lô D | 02/7/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 469 | La Xau Kiet | La Xâu Kiệt | x | | 02/9/1968 | Campuchia | 169 lô D | 02/7/1975 |
| 470 | La Chan Gian | La Chấn Gian | x | | 04/4/1934 | Trung Quốc | 169 lô D | 02/7/1975 |
| 471 | Lam Chay Lay | Lâm Cháy Láy | x | | 26/11/1976 | Việt Nam | 270 lô H | |
| 472 | Lam Dau Phat | Lâm Dậu Phát | x | | 19/11/1948 | Campuchia | 66/18-20 lô D | 1975 |
| 473 | Lam Minh Duc | Lâm Minh Đức | x | | 02/01/1989 | Tp Hồ Chí Minh | 66/148-20 lô D | |
| 474 | Liem Hua | Lâm Húa | | x | 22/12/1949 | Campuchia | 36 lô P | 1975 |
| 475 | Lim Ghet Chu | Lâm Ngọc Châu | | x | 15/4/1961 | Campuchia | 22B lô D | 1979 |
| 476 | Lim Vinh Ty | Lâm Vĩnh Ty | x | | 03/7/1924 | Campuchia | 24/1B lô B | 25/6/1975 |
| 477 | Lim Ai Si | Lâm Ái Si | | x | 23/3/1950 | Campuchia | 24/1B | 25/6/1975 |
| 478 | Lim Phong Ang Phu Tang | Lim Phong Phú Tăng | x | | 23/7/1927 | Campuchia | 19-20 lô A | 1979 |
| 479 | Liuu Sieng | Liu Sieng | x | | 27/01/1969 | Campuchia | 31 lô B | 1979 |
| 480 | Tran Binh | Trần Bình | | x | 02/6/1967 | Campuchia | 11 lô A | 1975 |
| 481 | Tat Kim Lien | Tat Kim Liên | | x | 01/6/1938 | Campuchia | 181 lô B5 | 1975 |
| 482 | Tat Qui Bao | Liễu Ngọc Duyên | | x | 07/10/1976 | Tp Hồ Chí Minh | 181 lô B5 | 1975 |
| 483 | Tan Ngo | Trần Kim Nga | | x | 14/7/1926 | Campuchia | 24E/16 lô C | 1979 |
| 484 | Tun Eng | Tô Anh | | x | 06/11/1944 | Campuchia | 134 lô B | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 485 | Tang Lor Chieng | Trần Quốc Chương | x | | 15/8/1967 | Campuchia | 111 lô E | 1979 |
| 486 | Tang My Van | Tăng Mỹ Vân | | x | 12/4/1980 | Việt Nam | 2 lô B | |
| 487 | Treung Soc Hun | Trương Sóc Vân | | x | 01/01/1946 | Campuchia | 113 lô C3 | 20/3/1979 |
| 488 | Ta Thi Quyen | Tạ Thị Quyên | | x | 07/02/1948 | Campuchia | 30 lô P | 1975 |
| 489 | Ta Thi Hien | Tạ Thị Hiền | | x | 06/6/1933 | Campuchia | 30 lô P | 1975 |
| 490 | Ta Kim Xuyen | Tạ Kim Xuyến | | x | 25/5/1942 | Campuchia | 210 lô H | 1975 |
| 491 | Tran Linh Chau | Trần Linh Châu | | x | 15/01/1956 | Campuchia | 3 lô B | 1975 |
| 492 | Tran Kho | Trần Thuận Kao | x | | 24/11/1968 | Campuchia | 145b lô B | 26/6/1975 |
| 493 | Tang Chhu Hea | Tăng Chu Hà | | x | 16/6/1966 | Campuchia | 152 lô B | 28/3/1979 |
| 494 | Trần Hài Nhi | Trần Quốc Trung | x | | 28/10/1984 | Bình Dương | 137 lô A | |
| 495 | Trần Hoài Châu | Trần Hoài Châu | | x | 28/5/1986 | Bình Dương | 137 lô A | |
| 496 | Tran Hui Tien | Trần Huệ Trân | | x | 27/11/1966 | Campuchia | 145b lô B | 26/6/1975 |
| 497 | To Tieu Linh | Tô Tiểu Huệ | | x | 15/10/1985 | Việt Nam | 46 lô B | |
| 498 | Truong Đông Thanh | Trương Đông Thành | x | | 16/10/1968 | Campuchia | 38 lô P | 1975 |
| 499 | Tran Hac Chay | Trần Hắc Chảy | x | | 03/3/1928 | Campuchia | 155 lô E | 17/4/1975 |
| 500 | Tran Ngoc Son | Trần Ngọc Sơn | x | | 17/7/1966 | Campuchia | 97 lô C | 28/5/1975 |
| 501 | Tran Mui Kim | Trần Mụi Kim | | x | 28/10/1982 | Tp Hồ Chí Minh | 36 lô P | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 502 | Tran Nai Kheng | Trần Nai Kheng | | x | 03/6/1959 | Campuchia | 144 lô B | 04/6/1975 |
| 503 | Trân Manh Di | Trần Mạnh Dì | | x | 01/7/1984 | Bình Dương | 89 lô D2 | |
| 504 | Tran Nguyet Phuong | Trần Nguyệt Phương | | x | 15/02/1985 | Tp Hồ Chí Minh | 36 lô P | |
| 505 | Tran Minh | Trần Minh | x | | 22/7/1975 | Campuchia | 143 lô B | 04/6/1975 |
| 506 | Tram My | Trâm My | | x | 16/02/1972 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |
| 507 | Tram Nganh | Trâm Ngân | | x | 18/12/1970 | Campuchia | 1 lô A | 1975 |
| 508 | Tran Ngo | Trần Nga | | x | 1942 | Campuchia | 100 lô A | 1979 |
| 509 | Tran Ngam | Trần Ngâm | | x | 01/6/1925 | Campuchia | 143 lô A4 | 1979 |
| 510 | Tran Ngoc Hien | Trần Ngọc Hiền | | x | 27/12/1955 | Campuchia | 81 lô A | 1975 |
| 511 | Tran My Linh | Trần Mỹ Linh | | x | 19/02/1974 | Campuchia | 31/19D lô D | 1975 |
| 512 | Trinh Thi Muoi | Trịnh Thị Muỗi | | x | 05/7/1967 | Campuchia | 7 lô D | 1979 |
| 513 | Trieu Ngoc Hoa | Triệu Ngọc Hoa | | x | 11/8/1972 | Campuchia | 22 lô D | 26/6/1979 |
| 514 | Trieu Chi Quang | Triệu Chí Quang | x | | 16/02/1971 | Campuchia | 17 lô P | 25/6/1975 |
| 515 | Trinh Khoan | Trịnh Cường | x | | 10/02/1966 | Campuchia | 291 lô E6 | 1979 |
| 516 | Triv Vouth Thy | La Đức Thiên | x | | 17/11/1972 | Campuchia | 132/4C lô A | 20/10/1975 |
| 517 | Trinh Hương | Trịnh Hương | | x | 17/12/1932 | Trung Quốc | 148 lô A | 17/5/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 518 | Triv Houth | La Đức Bình | x | | 10/10/1946 | Campuchia | 132/4C lô A | 10/1975 |
| 519 | Trieu Ngoc Lam | Triệu Ngọc Lâm | | x | 26/12/1974 | Campuchia | 94 lô C | 26/6/1979 |
| 520 | Trinh Boi Sang | Trịnh Bội Sang | | x | 23/4/1957 | Campuchia | 7 lô D | 1979 |
| 521 | Trinh Vang | Trịnh Văn | x | | 25/9/1968 | Campuchia | 123 lô B | 1979 |
| 522 | Truong Thi Hao | Trương Thị Hảo | | x | 14/4/1931 | Campuchia | 10 lô A | 05/8/1975 |
| 523 | Truong Mai | Trương Mai | | x | 02/6/1952 | Campuchia | 17 lô A | 01/5/1979 |
| 524 | Truong Ve Ky | Trương Vệ Kỳ | x | | 19/3/1978 | Việt Nam | 45 lô D | |
| 525 | Ta Kim Eang | Tạ Kim Eang | x | | 01/12/1941 | Campuchia | 210 lô H | 1975 |
| 526 | Tan Mao Thang | Tan Mao Thang | x | | 20/3/1986 | Bình Dương | 96 lô A | |
| 527 | Ta Sang Tri | Tạ Sang Tri | x | | 23/3/1965 | Campuchia | 64B lô A | 01/6/1975 |
| 528 | Ta Sang Chau | Tạ Sang Châu | | x | 26/4/1963 | Campuchia | 64B lô A | 01/6/1975 |
| 529 | Tan Chung Nam | Tan Chung Nam | x | | 26/12/1965 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 530 | Tan Chin | Đặng Trinh | | x | 06/9/1925 | Campuchia | 167 lô D | 15/5/1975 |
| 531 | Tang Sieu Phung | Tăng Siêu Phụng | | x | 10/4/1984 | Bình Dương | 181/26-28 lô D | |
| 532 | Tang Tien | Tăng Tiên | | x | 15/8/1939 | Campuchia | 15 lô D | 1975 |
| 533 | Tang Hung | Tăng Hùng | x | | 12/9/1939 | Campuchia | 147/40 lô D | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 534 | Tang Sieu Long | Tăng Siêu Long | x | | 10/4/1984 | Bình Dương | 181/26-28 lô D | |
| 535 | Tang Sieu Yen | Tăng Siêu Yến | | x | 05/9/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 181/26-28 lô D | |
| 536 | Tang Veng An | Tạ Vĩnh An | x | | 05/4/1980 | Việt Nam | 168 lô B | |
| 537 | Tang Thi Lien | Tăng Thị Liên | | x | 18/6/1937 | Campuchia | 169 lô D | 02/7/1975 |
| 538 | Tan Hung Thanh | Tan Hùng Thanh | x | | 09/10/1983 | Việt Nam | 96 lô A | |
| 539 | Tang Chi Hung | Tăng Chí Hùng | x | | 29/9/1988 | Việt Nam | 2 lô B | |
| 540 | Tan Chung Tung | Tan Chung Túng | x | | 01/11/1963 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 541 | Tang Chi Cuong | Tăng Chí Cường | x | | 06/11/1983 | Việt Nam | 2 lô B | |
| 542 | Tan Chung Manh | Tan Chung Mạnh | x | | 10/01/1951 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 543 | Tan Say Huong | Tan Say Hương | | x | 26/6/1956 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 544 | Tang Mieu Lan | Tăng Miêu Lan | | x | 04/6/1960 | Campuchia | 28 lô P | 1975 |
| 545 | Tang Chi Minh | Tăng Chí Minh | x | | 11/4/1986 | Việt Nam | 2 lô B | |
| 546 | Tang Kheng | Tăng Kheng | | x | 09/9/1973 | Campuchia | 15 lô D | 1975 |
| 547 | Tang Khoanh Hung | Tăng Khoanh Hưng | | x | 02/02/1965 | Campuchia | 181/26-28 lô D | 1975 |
| 548 | Tăng Siêu Ly | Tăng Siêu Ly | | x | 03/5/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 181/26-28 lô D | |
| 549 | Tang Chi Dan | Tăng Chí Dân | x | | 16/12/1981 | Việt Nam | 2 lô B | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 550 | Tang Chhu Kien | Tăng Chu Kiên | | x | 12/4/1960 | Campuchia | 139 lô B | 1980 |
| 551 | Tang Mouy Eng | Trần Mỹ Anh | | x | 03/9/1954 | Campuchia | 132/4C lô A | 20/10/1975 |
| 552 | Ta My Sieu | Ta Mỹ Siêu | | x | 12/01/1989 | Tp Hồ Chí Minh | 20 lô B | |
| 553 | Tan Sai | Trần Văn Sái | x | | 15/5/1966 | Campuchia | 49 lô H | 1975 |
| 554 | Ta Chin Hong | Tạ Chín Hồng | x | | 02/11/1945 | Campuchia | 168 lô B | 1979 |
| 555 | Ta Veng Hoang | Tạ Vĩnh Hoàng | x | | 03/10/1981 | Việt Nam | 168 lô B | |
| 556 | Tang Sea Pa | Tăng Sea Pạ | x | | 15/02/1960 | Campuchia | 48 lô B | 20/10/1975 |
| 557 | Tang Sea Say | Tăng Sea Sây | x | | 16/02/1957 | Campuchia | 48 lô B | 20/10/1975 |
| 558 | Tan Suy Yeu | Trần Thụy Châu | x | | 05/8/1969 | Campuchia | 51 lô C | 1979 |
| 559 | Ta Van Chay | Tạ Văn Chảy | x | | 16/10/1948 | Campuchia | 20 lô B | 29/8/1979 |
| 560 | Ta Sang Am | Tạ Sang Âm | | x | 18/10/1961 | Campuchia | 64B lô A | 01/6/1975 |
| 561 | Tan Chung Sung | Tan Chung Sứng | x | | 01/02/1956 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 562 | Tan Hoa Huong | Tan Hoa Hương | | x | 01/11/1960 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 563 | Ta Kim Khieng | Tạ Kim Khiếng | x | | 20/12/1943 | Campuchia | 210 lô H | 1975 |
| 564 | Tran Van Long | Trần Văn Long | x | | 15/3/1972 | Campuchia | 45/21 lô C | 1979 |
| 565 | Tran Van Suong | Vương Vũ Thuận | x | | 03/3/1968 | Campuchia | 10 lô A1 | 05/8/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 566 | Tran Van Tung | Trần Văn Tùng | x | | 16/11/1970 | Campuchia | 45/21 lô C | 1979 |
| 567 | Tran Van Vinh | Trần Văn Vinh | x | | 22/12/1964 | Campuchia | 137 lô A | 1975 |
| 568 | Tran Van Phi | Trần Văn Phi | x | | 11/11/1960 | Campuchia | 149 lô B | 30/6/1975 |
| 569 | Tran Viet Kieu | Trần Việt Kiều | | x | 05/5/1951 | Campuchia | 4 lô D | 1975 |
| 570 | Tran Van Chau | Trần Văn Châu | x | | 07/8/1930 | Campuchia | 10 lô A | 05/8/1975 |
| 571 | Tran Van Quay | Trần Văn Quay | x | | 07/02/1969 | Campuchia | 137 lô A | 1975 |
| 572 | Tran Vi Quang | Trần Vi Quang | x | | 10/10/1966 | Campuchia | 57 lô B | 24/6/1975 |
| 573 | Tram Thien Leng | Trầm Kim Hưng | x | | 01/01/1962 | Campuchia | 127b lô D | 04/7/1975 |
| 574 | Tran Van Kuc | Trần Văn Cúc | | x | 08/5/1974 | Campuchia | 45/21 lô C | 1979 |
| 575 | Te Na Riet | Tê Na Riết | x | | 06/7/1967 | Campuchia | 54 lô H | 17/12/1979 |
| 576 | Tran Uy | Tran Uy | x | | 09/01/1967 | Campuchia | 17 lô D | 1979 |
| 577 | Tran Thanh Nhan | Trần Thanh Nhàn | x | | 05/7/1984 | Việt Nam | 27 lô P | |
| 578 | Tran Sinh Sinh | Trần Sinh Sinh | | x | 11/10/1988 | Việt Nam | 149 lô B | |
| 579 | Tran Vi Xuong | Trần Vi Xướng | x | | 30/10/1964 | Campuchia | 57 lô B | 24/6/1975 |
| 580 | Heng Chan Than | Dương Văn Thân | x | | 10/3/1948 | Campuchia | 32/25 lô D | 1975 |
| 581 | Heng Chan Tha | Dương Văn Tha | x | | 06/9/1978 | Việt Nam | 32/25 lô D | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 582 | Leav Lam Hung | Lâm Hùng | x | | 15/02/1942 | Campuchia | 100 lô A | 1979 |
| 583 | Hua Lai Dung | Hứa Lai Dung | | x | 1967 | Campuchia | 26 lô B | 1979 |
| 584 | Tran Khang | Trần Khánh | | x | 1924 | Campuchia | 26 lô B | 1979 |
| 585 | Trang Han Phat | Trang Han Phát | x | | 22/5/1969 | Campuchia | 138 lô A | 1979 |
| 586 | Trang Han Tien | Trang Han Tiến | x | | 18/9/1972 | Campuchia | 138 lô A | 1979 |
| 587 | Trang Hoi Eng | Trần Huệ Anh | | x | 22/8/1965 | Campuchia | 158 lô D | 28/8/1979 |
| 588 | Tran Ning | Trần Ning | | x | 08/12/1962 | Campuchia | 150 lô B | 1979 |
| 589 | Tang Hac | Tăng Hắc | x | | 01/7/1972 | Campuchia | 132 lô B | 1975 |
| 590 | Vu Thi Le | Vũ Thị Lệ | | x | 03/6/1961 | Campuchia | 11 lô D | 02/7/1975 |
| 591 | Van Cuong | Văn Cường | x | | 09/9/1961 | Campuchia | 5B lô C | 1975 |
| 592 | Vuong Boi Linh | Vương Bối Linh | | x | 29/02/1940 | Campuchia | 50 lô H | 05/6/1975 |
| 593 | Vien Lap Ta | Viên Lạp Ta | x | | 05/5/1930 | Campuchia | 5B lô C | 1975 |
| 594 | Vien Sieu Thanh | Viên Siêu Thanh | | x | 17/7/1970 | Campuchia | 5B lô C | 1975 |
| 595 | Var Sophie | Nguyễn Ánh Hồng | | x | 30/4/1950 | Campuchia | 32/25 lô D | 1975 |
| 596 | Vong Ly Hung | Vong Lệ Vân | | x | 24/12/1949 | Campuchia | 60 lô B | 26/9/1975 |
| 597 | Vuong Co | Vương Cơ | x | | 04/01/1937 | Campuchia | 35 lô P | 02/6/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 598 | Van Chi Yong | Văn Chi Dũng | x | | 28/5/1967 | Campuchia | 16b lô H | 14/5/1975 |
| 599 | Van Vi Minh | Văn Vi Minh | x | | 04/02/1968 | Campuchia | 17A lô A | 1975 |
| 600 | Vong Men | Vong Mên | x | | 05/01/1929 | Campuchia | 203 lô H | 1975 |
| 601 | Van Le Ha | Văn Lệ Hà | | x | 30/8/1963 | Campuchia | 14 lô B | 1975 |
| 602 | Van Binh Tuong | Văn Bình Tường | x | | 15/8/1935 | Campuchia | 16b lô H | 14/5/1975 |
| 603 | Ung Manh | Ung Manh | | x | 01/7/1968 | Campuchia | 17 lô D | 1979 |
| 604 | Ung Phek Lang | Huỳnh Bích Lang | | x | 16/10/1936 | Campuchia | 71-72 lô N | 01/6/1975 |
| 605 | Ung Tan Ngo | Huỳnh Thị Nga | | x | 1964 | Campuchia | 11/79 lô A | 1979 |
| 606 | Ung Tan Ty Kea | Huỳnh Địa Êm | x | | 1962 | Campuchia | 11/79 lô A | 1979 |
| 607 | Ung Tan Sok Seang | Huỳnh Thuật Tường | x | | 1965 | Campuchia | 11/79 lô A | 1979 |
| 608 | Ung Hao | Ung Hào | x | | 01/4/1966 | Campuchia | 60b lô C | 1979 |
| 609 | Ung Nhue Kiet | Ung Dong | x | | 29/12/1970 | Campuchia | 1-2 lô C | 1979 |
| 610 | Ung Chu Hen | Huỳnh Thư Hương | | x | 1953 | Campuchia | 97 lô A | 1975 |
| 611 | U Tua | Dư Tùa | | x | 02/02/1922 | Trung Quốc | 40 lô P | 1975 |
| 612 | Ung Chan Thou | Ưng Chan Thu | | x | 29/7/1959 | Campuchia | 87 lô C | 15/5/1975 |
| 613 | Ung Tha Vy | Ung Tha Vy | | x | 10/11/1950 | Campuchia | 87 lô C | 15/5/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 614 | Ung Ku Huong | Ung Ku Hương | | x | 01/10/1947 | Campuchia | 27B/313E lô B | 28/6/1975 |
| 615 | Ha Khieng | Hà Khiêng | x | | 08/4/1974 | Campuchia | 94 lô D | 15/6/1975 |
| 616 | Ly Mui | Lý Mùi | | x | 19/9/1966 | Campuchia | 148 lô N | 03/3/1979 |
| 617 | Ly Muoi | Lý Muổi | | x | 1973 | Campuchia | 59 lô A | 1979 |
| 618 | Ly Nguyet Ai | Lý Nguyệt Ái | | x | 29/01/1967 | Camphuchia | 10 lô H | 1975 |
| 619 | Luu Chea Hung | Lưu Chấn Hùng | x | | 20/11/1982 | Bình Dương | 39/175B lô B | |
| 620 | Ly Chin Ha | Lý Chín Hà | | x | 06/4/1929 | Camphuchia | 47 lô B | 1979 |
| 621 | Ly Kim Meng | Hà Trần Nghĩa | x | | 01/3/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 02 lô P | |
| 622 | Ly Suoi Chu | Lý Suôi Chu | | x | 13/12/1964 | Camphuchia | 01 lô H | 1975 |
| 623 | Ly Thuy Binh | Lý Thúy Bình | | x | 02/12/1984 | Bình Dương | 5/83 lô A | |
| 624 | Ly Dieu Phat | Lý Diệu Phát | x | | 14/11/1970 | Campuchia | 5/83 lô A | 1975 |
| 625 | Luc Phung Yen | Lục Phụng Yến | | x | 06/11/1969 | Campuchia | 34/147 lô A | 1975 |
| 626 | Luc Koc Sang | Lục Quốc Sanh | x | | 15/6/1967 | Campuchia | 34/147 lô A | 1975 |
| 627 | Luu Gieu You | Lưu Văn Dũ | x | | 29/12/1942 | Campuchia | 39/175B lô B | 29/9/1979 |
| 628 | Le Van Nhan | Lê Văn Nhân | x | | 01/4/1978 | Campuchia | 23-24 lô P | |
| 629 | Le Tuyet Hong | Lê Tuyết Hồng | | x | 15/8/1966 | Camphuchia | 23-24 lô P | 12/3/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 630 | Luu Chea Long | Lưu Chấn Long | x | | 26/8/1985 | Bình Dương | 39/175B lô B | |
| 631 | Ly Quan Xuoi | Lý Quan Xuôi | x | | 23/02/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 82 lô H | |
| 632 | Luu Chea Vy | Lưu Chấn Vỹ | x | | 16/01/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 39/175B lô B | |
| 633 | Luu Kien | Lưu Kiên | x | | 17/01/1966 | Campuchia | 174 lô B | 01/5/1975 |
| 634 | Le Tu Anh | Lê Tú Anh | | x | 18/12/1942 | Campuchia | 44 lô B | 1975 |
| 635 | Luong Chen | Lương Thục Chen | | x | 06/7/1949 | Campuchia | 82 lô B | 17/6/1975 |
| 636 | Lu Phuc Xuan | Lư Phúc Xuân | x | | 17/4/1943 | Camphuchia | 12 lô P | 1975 |
| 637 | Lu My Dung | Lư Mỹ Dung | | x | 14/12/1984 | Bình Dương | 12 lô P | |
| 638 | Ly Thuyet Lien | Lý Thuyết Liên | | x | 16/12/1952 | Campuchia | 169C lô D | 1975 |
| 639 | Ly Sieu Song | Lý Siêu Song | x | | 29/11/1964 | Campuchia | 169C lô D | 15/8/1975 |
| 640 | Ly Sieu Hoa | Lý Siêu Hoa | x | | 28/8/1966 | Campuchia | 169C lô D | 15/8/1975 |
| 641 | Ly Sieu Po | Lý Siêu Po | x | | 26/12/1973 | Campuchia | 169C lô D | 15/8/1975 |
| 642 | Ly Sieu Quang | Lý Siêu Quang | x | | 14/4/1979 | Campuchia | 169C lô D | |
| 643 | Ly Binh | Lý Bình | | x | 29/9/1956 | Campuchia | 55 lô C | 19/9/1979 |
| 644 | Ly Muoi | Lý Muỗi | | x | 15/10/1959 | Campuchia | 81 lô C | 1975 |
| 645 | Ly In | Lý Anh | | x | 1926 | Camphuchia | 62 lô C | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 646 | Ly Ha | Lý Hà | | x | 20/8/1982 | Việt Nam | 10 lô H | |
| 647 | Ly Bao Hoa | Lý Bảo Hoa | | x | 15/3/1946 | Campuchia | 137 lô B4 | 20/7/1979 |
| 648 | Ly Han Sea | Hà Minh Bền | x | | 24/12/1949 | Campuchia | 02 lô P | 15/6/1975 |
| 649 | Ly Tinh Long | Lý Tinh Long | x | | 29/10/1981 | Việt Nam | 72B lô A | |
| 650 | Ly Thi Ha | Lý Thị Hà | | x | 22/5/1944 | Campuchia | 167 lô B | 1979 |
| 651 | Ly Sieu Binh | Lý Siêu Bình | x | | 13/3/1986 | Bình Dương | 169C lô D | |
| 652 | Ly Sieu Ha | Lý Siêu Hà | x | | 01/7/1968 | Campuchia | 169C lô D | 15/8/1975 |
| 653 | Ly Van Phung | Lý Vân Phụng | | x | 16/6/1983 | Bình Dương | 169C lô D | |
| 654 | Ly Eng | Lý Eng | | x | 08/01/1933 | Campuchia | 270 lô H | 10/12/1975 |
| 655 | Ly Sieu Lung | Lý Siêu Lung | x | | 25/9/1981 | Bình Dương | 169C lô D | |
| 656 | Ly Kim Leng | Hà Trần Lộc | x | | 14/12/1983 | Việt Nam | 02 lô P | |
| 657 | Lim Hoat | Lâm Phát | x | | 05/11/1981 | Việt Nam | 62 lô H | |
| 658 | Lim An Kek | Lâm Thị Anh | | x | 26/6/1941 | Campuchia | 93 lô H | 1975 |
| 659 | Lien Ngoc Quan | Lien Ngoc Quan | | x | 25/6/1949 | Campuchia | 19 lô B | 01/9/1975 |
| 660 | Liuu Yok Heng | Liu Dok Heng | | x | 15/8/1924 | Campuchia | 31 lô B | 1979 |
| 661 | Lim Lang | Lim Lăng | | x | 08/12/1940 | Campuchia | 59 lô A | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 662 | Lim Kim Ty | Lâm Kim Ty | x | | 10/10/1970 | Campuchia | 22 lô D | 1979 |
| 663 | Liem Nai | Lâm Nái | | x | 19/6/1947 | Campuchia | 40 lô P | 1975 |
| 664 | Liem Tho | Lâm Thố | | x | 10/10/1948 | Campuchia | 40 lô P | 1975 |
| 665 | Lim Kuon Hoa | Lâm Công Hoa | x | | 17/9/1953 | Campuchia | 8 lô B | 12/4/1979 |
| 666 | Lim Bun Cuong | Lâm Phúc Minh | x | | 16/10/1983 | Bình Dương | 8 lô B | |
| 667 | Lim Sui Nghim | Lâm Tú Doanh | | x | 18/10/1979 | Việt Nam | 8 lô B | |
| 668 | Lieu Chi Phon | Liêu Chi Phon | | x | 19/7/1969 | Campuchia | 261B lô H7 | 25/5/1975 |
| 669 | Lim Tong | Lâm Tông | x | | 10/6/1948 | Campuchia | 62 lô H | 1979 |
| 670 | Le Thi Bich Thuy | Lê Thị Bích Thủy | | x | 31/11/1987 | Việt Nam | 1 lô H | |
| 671 | Lam Le Quan | Lâm Lệ Quân | | x | 27/01/1984 | TP Hồ Chí Minh | 175 lô B | |
| 672 | Lam Hoa | Lâm Hoa | x | | 15/9/1944 | Campuchia | 30/132 lô D | 01/4/1979 |
| 673 | La Hung | La Hưng | | x | 22/02/1939 | Campuchia | 95 lô D | 15/6/1975 |
| 674 | La Chuong Hung | La Chương Hùng | x | | 07/8/1976 | TP Hồ Chí Minh | 98/35B lô D | |
| 675 | La Son | La Sơn | x | | 24/12/1950 | Campuchia | 98/35B lô D | 09/9/1975 |
| 676 | La Phuc Gieng | La Phúc Giêng | x | | 17/12/1960 | Campuchia | 6A lô B | 1975 |
| 677 | La Phuc Muon | La Phúc Muộn | x | | 06/3/1963 | Campuchia | 6A lô B | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 678 | Lam Bang | Lâm Bằng | x | | 25/5/1935 | Campuchia | 84 lô H | 1979 |
| 679 | Lou Khai Dan | Ngô Khải Hùng | x | | 06/6/1987 | Việt Nam | 22 lô E | |
| 680 | Lim Chi Hien | Lâm Chí Hiền | x | | 10/01/1943 | Campuchia | 215 lô E | 15/5/1975 |
| 681 | Lu Chinh My | Lư Chinh Mỹ | | x | 29/6/1945 | Campuchia | 107 lô E | |
| 682 | Ly Quan Chi | Lý Quan Chi | | x | 01/8/1968 | Campuchia | 82 lô H | 1975 |
| 683 | Ly Quan Ly | Lý Quan Ly | | x | 04/5/1970 | Campuchia | 82 lô H | 1975 |
| 684 | Ly Quan Quoc | Lý Quan Quốc | x | | 15/6/1976 | TP Hồ Chí Minh | 82 lô H | |
| 685 | Luu Lan | Lưu Lan | | x | 28/10/1935 | Campuchia | 124 lô D | 1975 |
| 686 | Luu Linh | Lưu Linh | | x | 06/10/1970 | Campuchia | 124 lô D | 1975 |
| 687 | Lu Phuc Sang | Lư Phúc Sang | x | | 20/6/1987 | Việt Nam | 12 lô P | |
| 688 | Lu Quang | Lư Vĩnh Quang | x | | 09/01/1971 | Campuchia | 35B lô D | 10/7/1979 |
| 689 | Luu Oai Chanh | Lưu Huy Tiên | | x | 18/01/1954 | Campuchia | 12 lô C | 07/6/1975 |
| 690 | Lu Huon | Lư Huôn | x | | 20/11/1974 | Campuchia | 55 lô E | 23/7/1975 |
| 691 | Luu Oai Sinh | Lưu Oai Sinh | | x | 16/4/1951 | Campuchia | 45 lô D | 1975 |
| 692 | Luc Nhuan Le | Lục Nhuận Lệ | | x | 04/10/1984 | Bình Dương | 280B lô H8 | |
| 693 | Luc My Nghi | Lục Mỹ Nghi | | x | 17/11/1986 | Bình Dương | 280B lô H8 | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 694 | Luc Gia Cuong | Lục Gia Cường | x | | 15/5/1979 | Việt Nam | 280B lô H8 | |
| 695 | Luc Nhuan Ha | Lục Nhuận Hà | | x | 26/6/1976 | Bình Dương | 280B lô H8 | |
| 696 | Lu Kim Hua | Lu Kim Húa | x | | 10/10/1968 | Campuchia | 6 lô P | 1975 |
| 697 | Lu Ke Phu | Chung Gia Phú | x | | 03/3/1974 | Campuchia | 9 lô A | 04/12/1975 |
| 698 | Luu Lieu Sang | Lưu Liêu Sang | | x | 12/8/1956 | Campuchia | 91B lô D | 1979 |
| 699 | Luu Sam Bath | Lưu Sâm Bách | x | | 10/6/1943 | Campuchia | 135 lô B | 18/9/1975 |
| 700 | Lu Vi | Lu Vi | x | | 26/10/1968 | Campuchia | 212 lô E | 23/7/1975 |
| 701 | Lu Chan Hoa | Lu Chấn Hoa | x | | 29/9/1937 | Campuchia | 212 lô E | 23/7/1975 |
| 702 | Le Sin Poanh | Lê Sin Poanh | | x | 27/8/1964 | Campuchia | 34 lô H | 1975 |
| 703 | Luu Ngau | Lưu Ngâu | x | | 15/02/1973 | Campuchia | 124 lô D | 1975 |
| 704 | Lu Get Kien | Chung Ngọc Quyên | | x | 23/8/1967 | Campuchia | 9 lô A | 04/12/1975 |
| 705 | Lu Thuc Phuong | Lu Thúc Phương | x | | 05/4/1975 | Campuchia | 61 lô E | 10/6/1975 |
| 706 | Luong Quoc Hung | Lương Quốc Hùng | x | | 14/01/1950 | Campuchia | 173 lô B | |
| 707 | Luong Dung | Lương Dung | | x | 20/5/1935 | Campuchia | 144 lô A | 1975 |
| 708 | Lim Phong Ang Chan Thou | Lim Phong Trân Thu | | x | 05/02/1988 | Thái Lan | 19-20 lô A | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 709 | Liep Ngoc Anh | Liệp Ngọc Anh | | x | 02/02/1946 | Campuchia | 181/26-28 lô D | 1975 |
| 710 | Kha Long | Kha Long | x | | 17/9/1973 | Campuchia | 81 lô H | 1975 |
| 711 | Keo Na Lien | Keo Na Liên | | x | 31/12/1978 | Tp Hồ Chí Minh | 31/19Lô D | |
| 712 | Kun To Na | Kun To Na | x | | 09/9/1969 | Campuchia | 21/49 lô H | 1975 |
| 713 | Keo Hoc | Keo Hóc | x | | 17/3/1968 | Campuchia | 3/15 lô B | 1975 |
| 714 | Kun Sam Boo | Kun Sam Boo | | x | 06/6/1982 | Tiền Giang | 21/49 lô H | |
| 715 | Kun Van Ky | Kun Van Ky | x | | 02/3/1946 | Campuchia | 21/49 lô H | 1975 |
| 716 | Khau Muoi | Khau Muôi | | x | 16/9/1978 | Campuchia | 24E/16 lô C | 1979 |
| 717 | Kun Sam Bat | Kun Sam Bat | x | | 1979 | Tp Hồ Chí Minh | 21/49 lô H | |
| 718 | Khau Han | Khau Hạn | x | | 01/10/1965 | Campuchia | 24E/16 lô C | 1979 |
| 719 | Khau Ty | Hứa Bích Thanh | | x | 24/6/1951 | Campuchia | 24E/16 lô C | 1979 |
| 720 | Khau Juny Mai | Hứa Tú Mai | | x | 20/11/1975 | Campuchia | 24E/16 lô C | 1979 |
| 721 | Khau Minh | Khau Minh | x | | 07/7/1967 | Campuchia | 24E/16 lô C | 1979 |
| 722 | Kau Hong | Cao Hùng | x | | 12/5/1951 | Campuchia | 17 lô A | 1979 |
| 723 | Khung Tien | Khang Tiên | | x | 16/3/1949 | Campuchia | 173 lô B | 1975 |
| 724 | Kau Yun Minh | Cao Nhuận Minh | x | | 16/10/1983 | Bình Dương | 17 lô A | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 725 | Keo Chanh Thia | Keo Chanh Thia | x | | 02/11/1963 | Campuchia | 15 lô P | 1975 |
| 726 | Kau Yun An | Cao Nhuận An | x | | 13/4/1981 | Bình Dương | 17 lô A | |
| 727 | Kau Shou Phan | Cao Tố Phương | | x | 17/9/1982 | Bình Dương | 17 lô A | |
| 728 | Kun Sam Nang | Kun Sam Nang | x | | 03/3/1975 | Campuchia | 21/49 lô H | 1975 |
| 729 | Keo Na Lu | Keo Na Lư | | x | 12/10/1977 | Tp Hồ Chí Minh | 33/34 lô P | |
| 730 | Kha Thi Ty | Kha Thị Tý | | x | 10/7/1919 | Trung Quốc | 48/49 lô H | 1975 |
| 731 | Khau Chhaing Ky | Hứa Sang Cơ | x | | 16/10/1965 | Campuchia | 56 lô H | 1975 |
| 732 | Keo Sim | Keo Sim | x | | 15/6/1975 | An Giang | 33/34 lô P | |
| 733 | Keo Mi | Keo Mi | x | | 20/8/1976 | An Giang | 33/34 lô P | |
| 734 | Kim Sokha | Kim Ny | | x | 10/8/1962 | Campuchia | 103 lô E | 1975 |
| 735 | Kim Hoa | Kim Hoa | | x | 17/11/1957 | Campuchia | 129 lô B | 1975 |
| 736 | Khung Tuan Van | Khung Tuấn Văn | x | | 03/02/1978 | Tp Hồ Chí Minh | 173 lô B | |
| 737 | Khung Bich Nhi | Khang Bích Nhi | | x | 30/02/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 173 lô B | |
| 738 | Keo Sa Noet | Keo Sa Noet | x | | 03/11/1984 | Việt Nam | 33/34 lô P | |
| 739 | Koun Navy | Khoun Navỹ | | x | 10/6/1947 | Campuchia | 165 lô D | 1975 |
| 740 | Keo Naol | Keo Naol | | x | 18/8/1981 | Việt Nam | 33/34 lô P | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 741 | Keo Tienh | Keo Tiênh | x | | 09/02/1955 | Campuchia | 33/34 lô P | 1975 |
| 742 | Kun To Ra | Kun To Ra | x | | 03/3/1973 | Campuchia | 21/49 lô H | 1975 |
| 743 | Luy Vey | Diều Kiên Vey | x | | 15/8/1964 | Campuchia | 48 lô D | 1979 |
| 744 | Ly Cha | Lý Trà | | x | 08/8/1915 | Campuchia | 85 lô B | 1979 |
| 745 | Lim Sang | Lâm Ngọc Sang | | x | 12/01/1987 | Việt Nam | 62 lô H | |
| 746 | Liem Huol | Lâm Huôi | | x | 19/01/1969 | Campuchia | 40 lô P | 1975 |
| 747 | Liem Xung | Lâm Xung | | x | 01/01/1970 | Campuchia | 40 lô P | 1975 |
| 748 | Lim Ich Huy | Lâm Ich Huy | x | | 13/9/1962 | Campuchia | 278 lô E | 1979 |
| 749 | Lim Sok Tran | Triệu Ngọc Trân | | x | 30/01/1969 | Campuchia | 94B lô C | 1979 |
| 750 | Le Hoang Thanh | Lê Hoàng Thành | x | | 24/5/1953 | Campuchia | 01 lô P | 1975 |
| 751 | Leav Lam An | Lâm Kiện An | x | | 16/11/1983 | Bình Dương | 100 lô A | |
| 752 | Leav Lam Phong | Lâm Thúy Phương | | x | 16/3/1968 | Campuchia | 100 lô A | 1979 |
| 753 | Ly Huy | Lý Huy | | x | 11/5/1941 | Campuchia | Số 1 lô B | 1975 |
| 754 | Ly Dieu Veng | Lý Diệu Vinh | x | | 16/4/1980 | Việt Nam | 5/83 lô A | |
| 755 | Ly Quan Chi | Lý Quân Chi | | x | 12/4/1972 | Campuchia | 82 lô H | 1975 |
| 756 | Luc Binh Quang | Lục Bỉnh Quang | x | | 14/6/1935 | Campuchia | 280B lô H | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 757 | Luc Nhuan Hoa | Lục Nhuận Hòa | | x | 15/02/1970 | Campuchia | 280B lô H | 1975 |
| 758 | Lo Van Hoa | Lô Van Hoa | | x | 29/11/1934 | Campuchia | 91 lô D | 1979 |
| 759 | Lou Kit YI | Lữ Khiết Nghị | | x | 27/3/1962 | Campuchia | 22 lô E | 1975 |
| 760 | Ly Phech Hong | Lý Bích Phụng | | x | 20/6/1939 | Campuchia | 85 lô C | 1979 |
| 761 | Ly Dong | Lý Đông | x | | 26/4/1940 | Campuchia | 82 lô B | 1975 |
| 762 | Ly Sen | Lý Sen | x | | 14/2/1928 | Campuchia | 186 lô E | 1975 |
| 763 | Ly Khai | Lý Khai | | x | 20/7/1936 | Campuchia | 186 lô E | 1975 |
| 764 | Ly Chu | Lý Chu | | x | 25/4/1957 | Campuchia | 186 lô E | 1975 |
| 765 | Ly Kim Nguyen | Lý Kim Nguyên | x | | 31/5/1977 | Việt Nam | 82 lô B | |
| 766 | Loc Chi Cuong | Lộc Chí Cường | x | | 22/5/1962 | Campuchia | 18 lô P | 1975 |
| 767 | Loc Chi Hung | Lộc Chí Minh | x | | 05/5/1965 | Campuchia | 18 lô P | 1975 |
| 768 | Loc Xuan Khoay | Lộc Xuân Hà | | x | 03/12/1954 | Campuchia | 18 lô P | 1975 |
| 769 | Loc Chi Quang | Lộc Chí Hùng | x | | 16/12/1960 | Campuchia | 18 lô P | 1975 |
| 770 | Lo Dau Phong | La Hữu Khôn | x | | 17/01/1984 | Tp. Hồ Chí Minh | 175 lô D | |
| 771 | Luy Hoa | Diều Kiến Hòa | x | | 30/6/1963 | Campuchia | 84D/33 lô D | 1980 |
| 772 | Lam Hui Tram | Lâm Huy Trâm | x | | 18/12/1931 | Campuchia | 85 lô C | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 773 | Lam Yeu Thong | Lâm Thành Thông | x | | 15/7/1960 | Campuchia | 176 lô D | 1975 |
| 774 | Lam Song Ly | Lâm Song Ly | x | | 31/10/1988 | Việt Nam | 22B lô D | |
| 775 | Lam Yeu Nam | Lâm Diệu Nam | x | | 17/5/1961 | Campuchia | 22B lô D | 1975 |
| 776 | Lam Khuong Bang | Lâm Khương Bàng | x | | 02/11/1965 | Campuchia | 270 lô H | 1975 |
| 777 | Lam Tuyet Van | Lâm Tuyết Vân | | x | 10/02/1979 | Việt Nam | 270 lô H | |
| 778 | La Xa Muoi | La Xá Muối | | x | 21/12/1950 | Campuchia | 6B lô B | 1975 |
| 779 | La Kim Phuoc | La Kim Phước | | x | 23/6/1980 | Việt Nam | 6B lô B | |
| 780 | Lai King Long | Lai King Long | x | | 19/7/1984 | Tp. Hồ Chí Minh | 137 lô B4 | |
| 781 | Lai King Tong | Lai King Tòng | x | | 19/7/1984 | Tp. Hồ Chí Minh | 137 lô B4 | |
| 782 | Lou Vi Nam | Lưu Vi Nam | x | | 10/10/1942 | Campuchia | 55 lô C | 1979 |
| 783 | Lou Bui Bui | Lưu Bội Bội | | x | 13/9/1982 | Việt Nam | 55 lô C | |
| 784 | Lo Chi Toan | La Hữu Cường | x | | 04/01/1978 | Tp. Hồ Chí Minh | 175 lô D | |
| 785 | Lo Vay Minh | La Vĩ Minh | x | | 13/7/1946 | Campuchia | 175B lô D | 1975 |
| 786 | Luong Hung | Lương Thục Vân | | x | 16/7/1963 | Campuchia | 82 lô B | 1975 |
| 787 | Lu Quan | Lư Yến Phấn | | x | 15/11/1972 | Campuchia | 35/98 lô D | 1979 |
| 788 | Luu Quoc Cuong | Lưu Quốc Cường | x | | 30/12/1935 | Campuchia | 03 lô D | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 789 | Lu Su Phanh | Lư Su Phanh | | x | 18/01/1974 | Campuchia | 14 lô D | 1979 |
| 790 | Luong Nganh Anh | Lương Ngành Anh | | x | 09/3/1938 | Campuchia | 174 lô B | 1975 |
| 791 | Lam Yeu Quan | Lâm Yêu Quân | x | | 24/11/1966 | Campuchia | 167 lô D | 1975 |
| 792 | Lam Kien | Lâm Kiên | x | | 20/01/1980 | Tp. Hồ Chí Minh | 30/132 lô D | |
| 793 | Lam Hung | Lâm Hùng | x | | 15/11/1967 | Campuchia | 84 lô H | 1979 |
| 794 | Lam Anh | Lâm Anh | | x | 08/8/1974 | Campuchia | 84 lô H | 1979 |
| 795 | Lam Le Sang | Lâm Lệ Sang | | x | 11/11/1981 | Việt Nam | 175 lô B | |
| 796 | Lam Cung | Lâm Cung | x | | 10/11/1943 | Campuchia | 175 lô B | 1979 |
| 797 | Lam Pui Chanh | Lâm Ngọc Chánh | | x | 20/01/1962 | Campuchia | 142 lô B | 1975 |
| 798 | Lam Thi Mui | Lâm Thị Mùi | | x | 16/6/1943 | Campuchia | 45/21 lô C | 1979 |
| 799 | Lai Y Iong | Lai Ý Long | | x | 18/9/1982 | Tp. Hồ Chí Minh | 137 lô B4 | |
| 800 | Lam Duc Thanh | Lâm Đức Thành | x | | 27/4/1968 | Campuchia | 55 lô D | 1975 |
| 801 | La Huu | La Hữu | | x | 12/3/1953 | Campuchia | 6A lô B | 1975 |
| 802 | La Lieu Kien | La Liêu Kiên | | x | 12/3/1961 | Campuchia | 6A lô B | 1975 |
| 803 | La Sieu Dung | La Siêu Dùng | | x | 10/3/1965 | Campuchia | 6A lô B | 1975 |
| 804 | Lam Yeu Hoa | Lâm Yêu Hòa | | x | 24/11/1966 | Campuchia | 167 lô D | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 805 | Lam Kim Ty | Lâm Thị Kim Mai | | x | 04/5/1954 | Campuchia | 39/175 lô B | 1979 |
| 806 | Lam Sia Linh | Lâm Trác Luân | x | | 24/01/1924 | Trung Quốc | 63 lô B | 1979 |
| 807 | La Siêu Phung | La Siêu Phụng | | x | 17/5/1955 | Campuchia | 46 lô B | 1975 |
| 808 | Trinh Truoc | Trịnh Cẩm Bình | | x | 28/11/1938 | Campuchia | 65 lô C | 1975 |
| 809 | Truong Hue Linh | Trương Huệ Linh | | x | 18/8/1972 | Campuchia | 108 lô C3 | 1979 |
| 810 | Truong Chung Vien | Trương Chung Viên | x | | 09/01/1966 | Campuchia | 108 lô C3 | 1979 |
| 811 | Truong Anh | Trương Anh | | x | 16/10/1926 | Campuchia | 96 lô A | 1975 |
| 812 | Truong Vi Khuong | Trương Vĩ Khương | x | | 15/10/1973 | Campuchia | 160-22 lô D | 20/6/1975 |
| 813 | Truong Vi Sien | Trương Vĩ Siên | x | | 13/4/1965 | Campuchia | 160-24 lô D | 20/6/1975 |
| 814 | Truong On Truong | Trương Ơn Trưởng | x | | 03/5/1923 | Campuchia | 160-22 lô D | 20/6/1975 |
| 815 | Trương Đông Sanh | Trương Đông Sanh | x | | 26/6/1970 | Campuchia | 38 lô P | 1975 |
| 816 | Thai Leang | Thái Lương | x | | 01/01/1948 | Campuchia | 85 lô B | 08/8/1979 |
| 817 | Thai Du | Thái Du | x | | 02/6/1922 | Campuchia | 85 lô B | 08/8/1979 |
| 818 | Thai Chuyen | Thái Chuyên | | x | 11/7/1953 | Campuchia | 11 lô B | 04/6/1975 |
| 819 | Thai Phai | Thái Phái | | x | 19/7/1948 | Campuchia | 11 lô B | 04/6/1975 |
| 820 | Taing Chy Sane | Nhan Bích Dinh | | x | 05/8/1937 | Campuchia | 161b lô D | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 821 | Taing Kok Leang | Tăng Quốc Lương | x | | 10/01/1970 | Campuchia | 291 lô H | 1975 |
| 822 | Tang Tai Hour | Trần Tai Hour | x | | 03/5/1952 | Campuchia | 19A/29 lô B | 20/9/1979 |
| 823 | Tang Then Leng | Trần Đình Long | x | | 10/7/1980 | Bình Dương | 19A/29 lô B | |
| 824 | Tang Phuong | Tăng Tú Phương | | x | 11/01/1974 | Campuchia | 116 lô A | 21/11/1979 |
| 825 | Tang An | Tăng An | x | | 13/02/1939 | Việt Nam | 116 lô A | 13/02/1939 |
| 826 | Sok Khau | Liễu Thành Khâu | x | | 08/4/1936 | Campuchia | 181 lô B5 | 1975 |
| 827 | Sot Quay | Hoắc Uy | x | | 28/12/1951 | Campuchia | 72 lô H | 1975 |
| 828 | Sanh Ngoc Le | Sanh Ngọc Lê | | x | 14/12/1982 | Tiền Giang | 25-26 lô P | |
| 829 | Sanh Chung Di | Sanh Chung Di | | x | 25/9/1963 | Campuchia | 25-26 lô P | 1975 |
| 830 | Sun Ly | Sun Lý | | x | 10/02/1951 | Campuchia | 20 lô H | 1979 |
| 831 | Sok Dung | Liễu Ngọc Dung | | x | 29/12/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 181 lô B5 | 1975 |
| 832 | Sanh Cam Soi | Trần Kim Thái | | x | 15/8/1939 | Campuchia | 63 lô B | 24/9/1979 |
| 833 | Sanh Sok Na | Trần Mỹ Như | | x | 20/12/1982 | Việt Nam | 63 lô B | |
| 834 | Sou Van Nak | Tô Văn Làng | x | | 25/01/1977 | Campuchia | 23 lô E | 20/10/1979 |
| 835 | Sok Pho Ry | Nguyễn Thị Ngọc Mai | | x | 16/7/1976 | An Giang | 14 lô P | |
| 836 | So Ngoc My | Sô Ngọc Mỹ | | x | 15/7/1960 | Campuchia | 48-49 lô H | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 837 | Song Eng Ky | Song Eng Ky | x | | 13/01/1941 | Campuchia | 94b lô C | 23/7/1979 |
| 838 | Sok Pha Vy | Nguyễn Thị Thanh | | x | 03/02/1950 | Campuchia | 14 lô P | 1975 |
| 839 | Sear Thung Chon | Tạ Trung Đình | x | | 08/12/1970 | Campuchia | 161b lô D | 1979 |
| 840 | Song Hue Nhi | Song Huệ Nhi | | x | 04/6/1981 | Tp Hồ Chí Minh | 94b lô C | |
| 841 | Sanh Phuy | Sanh Phụy | x | | 02/3/1986 | Bình Dương | 8 lô A | |
| 842 | Sear Thung Heng | Tạ Trung Lương | x | | 08/5/1967 | Campuchia | 161b lô D | 1979 |
| 843 | Sanh Seng | Trần Chí Mãn | x | | 20/4/1967 | Campuchia | 2 lô A | 01/6/1975 |
| 844 | Sanh Nga | Sanh Nga | x | | 12/12/1940 | Campuchia | 8 lô A | 02/10/1975 |
| 845 | Quach Le Thanh | Quách Lệ Thanh | | x | 09/4/1986 | Việt Nam | 291 lô H8 | |
| 846 | Quach Kien Van | Quách Kiến Văn | x | | 05/02/1978 | Việt Nam | 291 lô H8 | |
| 847 | Quách Kien Minh | Quách Kiến Minh | x | | 01/11/1972 | Campuchia | 291 lô H8 | 1975 |
| 848 | Quach Lai Chan | Quách Lai Trân | | x | 07/7/1981 | Việt Nam | 291 lô H8 | |
| 849 | Quach Kien Cuong | Quách Kiên Cường | x | | 25/4/1987 | Tp Hồ Chí Minh | 89 lô B | |
| 850 | Quach Gia Minh | Quách Gia Minh | x | | 08/5/1949 | Campuchia | 89 lô B | 7/1979 |
| 851 | Quang Duc | Quang Dục | | x | 24/5/1972 | Campuchia | 11 lô B | 04/6/1975 |
| 852 | Quan My Phan | Quan Mỹ Phan | | x | 07/3/1950 | Campuchia | 214-215 lô H6 | 20/6/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 853 | Quach Khon Hung | Quách Khôn Hưng | x | | 04/6/1956 | Campuchia | 71-72 lô N | 07/6/1975 |
| 854 | Quach Cuong | Tô Kim Cương | x | | 17/9/1970 | Campuchia | 278 lô E | 12/12/1975 |
| 855 | Quach Khon Thang | Quách Khôn Thắng | x | | 12/6/1963 | Campuchia | 71-72 lô N | 07/6/1975 |
| 856 | Quach My Van | Quách Mỹ Vân | | x | 09/7/1966 | Campuchia | 71-72 lô N | 07/6/1975 |
| 857 | Quach Lai Phat | Quách Lai Phát | x | | 17/8/1926 | Trung Quốc | 71-72 lô N | 01/6/1975 |
| 858 | Quach Khon Long | Quách Khôn Long | x | | 01/6/1970 | Campuchia | 71-72 lô N | 01/6/1975 |
| 859 | Quach Chen Hoc | Quách Chen Học | x | | 07/01/1962 | Campuchia | 218 lô E | 15/10/1975 |
| 860 | Quang Tinh Thong | Quang Tinh Thông | x | | 02/11/1940 | Campuchia | 59 lô C | 25/5/1975 |
| 861 | Quach Sen | Tô Kim Thành | x | | 15/10/1973 | Campuchia | 278 lô E | 12/12/1975 |
| 862 | Quach Hai | Tô Kim Hải | x | | 12/02/1968 | Campuchia | 278 lô E | 12/12/1975 |
| 863 | Quach Huong | Lý Thị Hương | | x | 12/9/1944 | Campuchia | 278 lô E | 12/12/1975 |
| 864 | Quach Lai Linh | Quách Lai Linh | | x | 05/5/1983 | Việt Nam | 291 lô H8 | |
| 865 | Quach Tu Linh | Quách Tú Linh | | x | 10/12/1952 | Campuchia | 291 lô H8 | 1975 |
| 866 | Quan Soc Phan | Quan Sóc Phan | | x | 02/02/1965 | Campuchia | 214-215 lô H6 | 20/6/1965 |
| 867 | Quang Ngoc Lien | Quang Ngọc Liên | | x | 29/12/1944 | Campuchia | 49 lô C | 6/1979 |
| 868 | Quach Sau Phuong | Quách Tố Phương | | x | 08/12/1962 | Campuchia | 84 lô A | 1979 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 869 | Quach Hong | Quách Hồng | | x | 24/8/1954 | Campuchia | 98/35b lô D | 09/9/1975 |
| 870 | Quoc Hoa | Quốc Hòa | x | | 05/5/1970 | Campuchia | 191 lô B | 1975 |
| 871 | Quach Lai Phin | Quách Lai Phin | | x | 09/11/1974 | Campuchia | 291 lô H8 | 1975 |
| 872 | Quang Sei Wei | Quang Thành Uy | x | | 26/5/1971 | Campuchia | 59 lô C | 25/5/1975 |
| 873 | Phung May | Phùng Ngọc My | | x | 1970 | Campuchia | 90 lô B | 7/1979 |
| 874 | Phung Sau Van | Phùng Sâu Văn | | x | 05/10/1977 | Việt Nam | 255 lô E | |
| 875 | Pham Muoi | Phạm Muối | | x | 19/5/1935 | Campuchia | 50 lô C | 1975 |
| 876 | Phung Cam Thon | Phùng Cam Thon | x | | 1957 | Campuchia | 90 lô B | 7/1979 |
| 877 | Phan Van Quang | Phan Văn Quang | x | | 13/10/1975 | Campuchia | 19 lô P | 01/10/1975 |
| 878 | Phan Ngoc Ha | Phan Ngọc Hà | | x | 09/12/1962 | Campuchia | 19 lô P | 01/10/1975 |
| 879 | Phan Hung | Phan Hùng | x | | 01/6/1965 | Campuchia | 19 lô P | 01/10/1975 |
| 880 | Phong Chou Hoa | Phong Chou Hòa | x | | 01/10/1960 | Campuchia | 34 lô H | 1975 |
| 881 | Phung Bao Khuong | Phùng Bảo Khương | | x | 04/5/1955 | Campuchia | 106 lô E | |
| 882 | Phan Xieu | Phan Xiêu | | x | 13/01/1960 | Campuchia | 5 lô B | 10/10/1975 |
| 883 | Pham Thi Anh | Phạm Thị Ánh | | x | 26/9/1949 | Campuchia | 21-22 lô P | 1975 |
| 884 | Pham Thi Suong | Phạm Thị Sương | | x | 16/8/1959 | Campuchia | 50 lô C | 1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 885 | Phung Muoi | Phùng Kim Muội | | x | 16/4/1945 | Campuchia | 35/98 lô D | 10/7/1979 |
| 886 | Pen Sam Bo | Huỳnh Xuân Phát | x | | 24/12/1975 | Tp Hồ Chí Minh | 10 lô P | |
| 887 | Pen Sunnary | Huỳnh Thị Thu Hà | | x | 09/11/1963 | Campuchia | 10 lô P | 01/8/1975 |
| 888 | Phung Xim | Phùng Xim | | x | 12/5/1952 | Campuchia | 89 lô B | 7/1979 |
| 889 | Phan Thoai Tuong | Phan Thoại Tiên | | x | 10/7/1921 | Trung Quốc | 84 lô A | 1979 |
| 890 | Phuong Que Han | Phương Quế Hán | x | | 28/11/1968 | Campuchia | 50 lô H | 05/6/1975 |
| 891 | Phuong Que Minh | Phương Quế Minh | x | | 10/9/1974 | Campuchia | 50 lô H | 05/6/1975 |
| 892 | Phan Pic Ly | Phan Píc Ly | | x | 01/01/1964 | Campuchia | 13 lô A1 | 1979 |
| 893 | Phat Samnan | Tạ Đức Long | x | | 01/01/1959 | Campuchia | 11 lô H | 17/12/1975 |
| 894 | Phan Ngoc Tran | Phan Ngọc Trân | | x | 10/3/1969 | Campuchia | 19 lô P | 21/10/1975 |
| 895 | Pun Na Vi | Pun Na Vi | | x | 07/4/1956 | Campuchia | 33-34 lô P | 1975 |
| 896 | Phuong Que Hung | Phương Quế Hùng | x | | 22/5/1983 | Tp Hồ Chí Minh | 50 lô H | |
| 897 | Phuong Binh Luong | Phương Bình Lương | x | | 07/11/1935 | Campuchia | 50 lô H | 05/6/1975 |
| 898 | Phan Thanh | Phan Thành | x | | 30/9/1963 | Campuchia | 19 lô P | 01/10/1975 |
| 899 | Ong Quoc Vinh | Ôn Quốc Vĩnh | x | | 15/8/1967 | Campuchia | 4 lô P | 13/8/1975 |
| 900 | Ong Tam | Ong Ngọc Bảo Thanh | | x | 12/12/1950 | Campuchia | 60 lô Campuchia | 13/5/1975 |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 901 | On Nhan | On Nhan | | x | 23/01/1951 | Campuchia | 81b/12 lô Campuchia | 13/8/1975 |
| 902 | On Binh | On Binh | | x | 16/7/1946 | Campuchia | 81b/12 lô Campuchia | 13/8/1975 |
| 903 | On Ai | On Ai | | x | 03/11/1959 | Campuchia | 81b/12 lô Campuchia | 13/8/1975 |
| 904 | Ong Quoc Chon | Ôn Quốc Trung | x | | 11/7/1966 | Campuchia | 4 lô P | 13/8/1975 |
| 905 | Ong Trung Binh | Ôn Trung Bình | | x | 15/7/1969 | Campuchia | 3 lô P | 1975 |
| 906 | Huynh Mai Thy | Huỳnh Mai Thy | | x | 03/11/1980 | Tp Hồ Chí Minh | 69-70 lô H2 | |
| 907 | Kau Yun Chheang | Cao Nhuận Xương | x | | 25/8/1979 | Tp Hồ Chí Minh | 17 lô A | |
| 908 | Chu Phung Linh | Châu Phụng Linh | | x | 26/12/1991 | Tp Hồ Chí Minh | 28 lô P | |
| 909 | Chac Tu Phong | Chạc Tú Phong | x | | 15/11/1989 | Tp Hồ Chí Minh | 83/10 lô C | |
| 910 | Chau Chi An | Châu Chi Ân | | x | 18/12/1990 | Bình Dương | 58 lô C | |
| 911 | Chau Sai Seng | Châu Ngọc Sang | x | | 03/9/1991 | Bình Dương | 12 lô C | |
| 912 | Bao So Mat | Lưu Tuấn Tài | x | | 21/11/1990 | Bình Dương | 30 lô H | |
| 913 | Ang Po Guek | Ang Bảo Ngọc | | x | 27/9/1989 | Tp Hồ Chí Minh | 7 lô P | |
| 914 | Huynh Tuan Luong | Huỳnh Tuấn Lương | x | | 05/01/1991 | Bình Dương | 13 lô A1 | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 915 | Huynh Tuyet Kim | Huỳnh Tuyết Kim | | x | 05/3/1991 | Bình Dương | 162 lô H | |
| 916 | Du An | Du Tuấn An | x | | 30/01/1990 | Bình Dương | 8 lô P | |
| 917 | Duong Duc Hoa | Đường Đức Hoa | x | | 10/4/1991 | Bình Dương | 41 lô D | |
| 918 | To An | Tô Kim An | x | | 10/6/1990 | Việt Nam | 46 lô B | |
| 919 | Hwan Hue Binh | Huỳnh Huệ Bình | | x | 20/10/1991 | Bình Dương | 2 lô D | |
| 920 | Huynh Bung Minh | Huỳnh Bung Minh | x | | 22/10/1990 | Bình Dương | 285 lô E | |
| 921 | Huynh Bung Vinh | Huỳnh Bung Vinh | x | | 22/10/1990 | Bình Dương | 285 lô E | |
| 922 | Ngo Gia Phat | Ngô Gia Phát | x | | 22/10/1990 | Tp Hồ Chí Minh | 83/10 lô C | |
| 923 | Nguyen Quang Thai | Nguyễn Quang Thái | x | | 07/8/1989 | Bình Dương | 25-26 lô P | |
| 924 | Trinh Soc Nguyet | Trịnh Sóc Nguyệt | | x | 10/6/1991 | Bình Dương | 291 lô E6 | |
| 925 | Tang My Yen | Tăng Mỹ Yến | | x | 06/9/1990 | Việt Nam | 2 lô B | |
| 926 | Tang Then Heang | Trần Đình Hùng | x | | 24/8/1989 | Bình Dương | 19/29 lô B | |
| 927 | Tran Yin Yin | Trần Yin Yin | | x | 29/5/1990 | Việt Nam | 149 lô B | |
| 928 | Van Phui Phui | Văn Phui Phui | | x | 24/01/1991 | Bình Dương | 5B lô C | |
| 929 | Keo Minh Tai | Keo Minh Tài | x | | 17/7/1990 | Tp Hồ Chí Minh | 15 lô P | |
| 930 | Luu My Hong | Lưu Mỹ Hồng | | x | 07/12/1991 | Bình Dương | 39/175B lô B | |

| STT | Họ và tên | Tên gọi Việt Nam | Giới tính | | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh | Nơi cư trú hiện tại | Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 931 | Luu Ban Sang | Lưu Văn Sang | x | | 24/7/1989 | Bình Dương | 106 lô E | |
| 932 | Lim Lay Bao | Lâm Lay Bảo | x | | 03/4/1991 | Việt Nam | 215 lô E | |
| 933 | Luc Gia Uy | Lục Gia Uy | x | | 12/8/1990 | Bình Dương | 280B lô H8 | |
| 934 | Luu Duc Trung | Lưu Đức Trung | x | | 04/8/1991 | Bình Dương | 106 lô E | |
| 935 | Quach Le Chi | Quách Lệ Chi | | x | 13/4/1991 | Tp Hồ Chí Minh | 89 lô B | |
| 936 | Phong Dai Dien | Phong Đại Điền | x | | 07/11/1990 | Việt Nam | 34 lô H | |
| 937 | Thang Jin Ling | Thang Mỹ Linh | | x | 11/11/1991 | Bình Dương | 19 lô P | |
| 938 | Ly Thi Bich Tien | Lý Thị Bích Tiên | | x | 02/4/1990 | Bình Dương | 01 lô H | |